

## CHƯƠNG IV

# TỈNH SÓC TRĂNG ĐƯỢC TÁI LẬP, ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ RA SỨC XÂY DỰNG TỈNH NHÀ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1992 – 2000)

### I. TỈNH SÓC TRĂNG ĐƯỢC TÁI LẬP

Ngày 26 tháng 12 năm 1991, trong kỳ họp lần thứ 10, khoá VIII, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Nghị quyết chia tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh, lấy tên tỉnh là tỉnh Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng. Theo sự gợi ý của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, căn cứ đặc điểm, tình hình các mặt của tỉnh Hậu Giang cũ và 2 tỉnh mới Cần Thơ và Sóc Trăng, ngày 22 tháng 01 năm 1992, Tỉnh uỷ Hậu Giang đã họp và ra Nghị quyết số 15-NQ/TU về việc “Chuẩn bị và tiến hành thực hiện việc chia tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh: Cần Thơ và Sóc Trăng” với những nội dung cơ bản như sau:

Trước hết phải quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu chia tỉnh và việc tiến hành chia tỉnh: Hậu Giang là một tỉnh nông nghiệp, có diện tích lớn, địa bàn khá rộng, đặc điểm tự nhiên chia thành 2 vùng rõ rệt (vùng ngọt và vùng mặn hoặc ảnh hưởng mặn, vùng có đông đồng bào dân tộc và vùng có đông đồng bào các tôn giáo...) nếu không chia ra thì việc chỉ đạo khó sâu sát từng vùng, nhất là sâu sát cơ sở.

Chia ra 2 tỉnh thì mỗi tỉnh có quy mô, diện tích vừa phải phù hợp khả năng lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ hiện có, chắc chắn việc lãnh đạo, quản lý ở mỗi tỉnh sẽ đạt hiệu quả tốt hơn.

Việc tiến hành chia tỉnh ở Hậu Giang có nhiều thuận lợi, nhưng bước đầu có những khó khăn trở ngại nhất định nên việc chỉ đạo tiến hành chia tỉnh cần đạt những yêu cầu như sau:

Một là, cần giải quyết tốt nhận thức tư tưởng trong nội bộ và nhân dân, nhất là quán triệt mục đích ý nghĩa của việc chia tỉnh để thấy rõ sự cần thiết việc chia tỉnh, xác định rõ trách nhiệm, trực tiếp góp phần thực hiện chia tỉnh đạt kết quả tốt.

Bố trí, sắp xếp tổ chức, phân phối lực lượng cán bộ, nhân viên cho 2 tỉnh mới một cách cân đối, hợp lý, đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ cho mỗi tỉnh mới, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành bất cứ công tác gì và về công tác ở tỉnh nào theo sự phân công của tổ chức.

Tiến hành phân chia tài sản của tỉnh cũ cho 2 tỉnh mới một cách hợp lý, tạo thuận lợi cho mọi hoạt động của 2 tỉnh, nhất là sớm sắp xếp ổn định chỗ nơi ăn ở cho tỉnh mới (Sóc Trăng) nhằm đảm bảo yêu cầu tiến hành chia tỉnh, vừa đảm bảo các hoạt động thường xuyên, không để các hoạt động bị giảm sút vì lý do chia tỉnh, phải phân đầu chỉ đạo đưa tình hình mỗi tỉnh ngay trong năm 1992 có bước phát triển mới so năm 1991.

Phải hết sức thực hiện tinh thần tiết kiệm trong việc tiến hành chia tỉnh, đề cao tinh thần trách nhiệm, quản lý không để hư hao mất mát tài sản của Đảng và Nhà nước; không tổ chức tiệc tùng liên hoan chia tay tổn hao công quỹ; đặc biệt là không để xảy ra tình trạng tiêu cực (ăn cắp, phân chia tài sản... của cơ quan cho cá nhân trong khi tiến hành chia tỉnh).

Phát huy tốt truyền thống đoàn kết gắn bó của Đảng bộ, quân, dân Hậu Giang qua 16 năm trong điều kiện tỉnh Hậu Giang được hợp nhất của 3 đơn vị cấp tỉnh (cũ) từ sau ngày Miền Nam được giải phóng đến nay và phải thể hiện bằng hành động thực tế đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau ngay trong và sau khi tiến hành chia ra 2 tỉnh mới và càng đoàn kết tốt đối với nội bộ của mỗi tỉnh sau khi chia ra.

Phải nâng cao tinh thần cảnh giác, đề phòng và đối phó có hiệu quả mọi âm mưu, hành động phá hoại, xuyên tạc, gây chia rẽ trước, trong và sau khi tiến hành chia tỉnh của bọn xấu và kẻ địch.

Hai là, quán triệt và thống nhất chỉ đạo tiến hành chia tỉnh theo các nguyên tắc:

Phải quán triệt và thống nhất nhận thức, thông suốt tư tưởng trong việc chia tỉnh trong nội bộ mới đi vào trao đổi bàn bạc việc tiến hành phân chia cụ thể (về tổ chức cán bộ, phân chia tài sản...)

Việc sắp xếp tổ chức cán bộ: về tổ chức phải quán triệt nguyên tắc là tùy theo đặc điểm, yêu cầu của mỗi tỉnh mà sắp xếp, không nhất thiết trung ương có tổ chức gì địa phương phải có tổ chức đó, địa phương này có tổ chức gì địa phương kia phải có tổ chức đó. Dù bố trí tổ chức cho 2 tỉnh, nhưng về cơ bản thì biên chế tổ chức 2 tỉnh cộng lại không tăng so tổng biên chế hiện có của tỉnh Hậu Giang. Về sắp xếp cán bộ nhân viên: phải căn cứ vào tiêu chuẩn, yêu cầu nhiệm vụ là chính, chứ không phải căn cứ vào quê quán của cán bộ nhân viên làm chính. Nói chung việc sắp xếp tổ chức cho 2 tỉnh mới phải đúng chủ trương, luật pháp quy định.

Về cơ sở vật chất tập trung ở tỉnh sở tại (Cần Thơ) nhiều hơn, do nhiều loại không thể phân chia (vì phân chia ra sẽ không hoạt động được), nên dù muốn dù không, khi phân chia cơ sở vật chất (tài sản) thì tỉnh Cần Thơ sẽ được phân chia nhiều hơn. Do đó phải quán triệt nguyên tắc cái gì phân chia được phải ưu tiên cho tỉnh mới (Sóc Trăng), kể cả việc dành một phần thỏa đáng ngân sách cho tỉnh Sóc Trăng dùng làm kinh phí phục vụ yêu cầu các mặt cần thiết trong khi tiến hành chia tỉnh trong điều kiện, khả năng ngân sách cho phép.

Công tác chuẩn bị và tiến hành chia tỉnh phải được tiến hành tích cực, khẩn trương, nhưng phải được sự lãnh đạo chặt chẽ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mà thường xuyên và trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có bước đi thích hợp, chủ yếu là phải đạt được yêu cầu và quán triệt tốt các nguyên tắc đề ra.

Ba là, phải thực hiện tốt các chủ trương, công tác cụ thể phục vụ yêu cầu chia tỉnh đó là:

Công tác giải quyết nhận thức, tư tưởng trong nội bộ và nhân dân phải đạt các yêu cầu đó là phải quán triệt nhận thức về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và sự cần thiết của việc tiến hành chia tỉnh, từ đó xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của mỗi ngành, mỗi cán bộ đảng viên góp phần thực hiện yêu cầu chia tỉnh được tốt.

Chống mọi biểu hiện tư tưởng cục bộ địa phương, bản vị, địa vị cá nhân, bè phái và các hành vi gây chia rẽ mất đoàn kết nội bộ.

Đề phòng mọi hiện tượng tiêu cực, lãng phí, thiếu tiết kiệm trong tiến hành chia tỉnh như: thiếu trách nhiệm, quản lý không tốt để hư hao, mất mát tài sản, cả việc tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, tổ chức tiệc tùng lãng phí, nếu có tình trạng tiêu cực phải được xử lý nghiêm, nhất là trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Theo dõi phát hiện mọi nhận thức tư tưởng diễn biến không đúng trong nội bộ và nhân dân để giáo dục lãnh đạo kịp thời, đồng thời chỉ đạo đối phó mọi âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của kẻ địch và phần tử xấu.

Về sắp xếp tổ chức và phân bố lực lượng cán bộ, nhân viên cho 2 tỉnh mới như sau:

Tách Đoàn đại biểu Quốc hội ra làm 2 đoàn cho 2 tỉnh mới, báo cáo lên Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Quốc hội chấp thuận.

Dự kiến tách ra và xin ý kiến Bộ Chính trị chỉ định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời của 2 tỉnh mới một cách cân đối, hợp lý; trong Ban Chấp hành Đảng bộ (cũ) khi bố trí 2 Tỉnh ủy lâm thời có thể rút bớt một ít đồng chí và mặt khác cũng có thể đề nghị bổ sung mới một ít đồng chí theo yêu cầu thật cần thiết. Ban Chấp hành Đảng bộ 2 tỉnh mới có dự kiến bố trí đồng chí Bí thư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo cho Bộ Chính trị khi thông qua danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời.

Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời sau khi được Bộ Chính trị thông qua và ra Nghị quyết thành lập thì sẽ thực hiện theo tinh thần Điều lệ mới (khi tiến hành Đại hội vòng II của mỗi tỉnh thì các đồng chí cấp ủy viên đều là đại biểu chính thức của Đại hội).

Dự kiến tách thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cho 2 tỉnh mới:

Nguyên tắc là số đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử đơn vị huyện của tỉnh nào thì phân bố về tỉnh đó, nhưng nếu do yêu cầu công tác đồng chí đó được bố trí công tác ở tỉnh khác thì được điều động về làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở tỉnh khác. Do đó, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi tỉnh sẽ được phân phối không đồng đều, nếu tỉnh nào có yêu cầu thật cần thiết thì sẽ kết hợp bầu bổ sung khi tiến hành bầu cử Quốc hội sắp tới.

Sau khi tách Hội đồng nhân dân cho 2 tỉnh mới phải báo cáo lên Hội đồng Nhà nước xem xét chấp thuận. Khi được Hội đồng Nhà nước chấp thuận thì Hội đồng nhân dân mỗi tỉnh họp bất thường để bầu bổ sung Thường trực Hội đồng nhân dân, bầu Ủy ban nhân dân (sau khi được bầu Ủy ban nhân dân hoạt động ngay, riêng đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng chấp thuận); bầu Tòa án nhân dân tỉnh (gồm chánh án, các phó chánh án, thẩm phán, hội thẩm nhân dân).

Tách các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cho 2 tỉnh mới: Các đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cùng Thường vụ Đảng ủy, chi ủy cơ quan sau khi được học tập thông suốt trao đổi cho thống nhất, đi đến dự kiến chia mỗi tổ chức cho 2 tỉnh mới và thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận mới tiến hành tách ra. Nói chung, việc bố trí phân công cụ thể cán bộ, nhân viên cho từng sở, ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể quần chúng sau khi chia ra thì trách nhiệm chính là của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời của mỗi tỉnh xem xét quyết định.

Đối với các vụ án quan trọng còn tồn đọng và các vụ việc tiêu cực nghiêm trọng đối với cán bộ phải cố gắng phấn đấu giải quyết trước khi phân chia tổ chức, cán bộ.

Về phân chia tài sản của tỉnh Hậu Giang cho 2 tỉnh mới: Việc phân chia tài sản của tỉnh Hậu Giang cho 2 tỉnh mới phải quán triệt và thực hiện đúng tinh thần văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính (văn bản hướng dẫn cho các tỉnh được tách tỉnh trong kỳ họp thứ 9 của Quốc hội) và quán triệt nguyên tắc của việc phân chia tài sản theo Nghị quyết của Tỉnh ủy. Những vấn đề cần chú ý trong việc phân chia tài sản: Về ngân sách khẩn trương xây dựng ngân sách riêng cho mỗi tỉnh, chú ý xem xét yêu cầu chi cho việc chia tỉnh sớm để báo cáo đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh lại việc điều tiết ngân sách mỗi tỉnh hợp lý nhằm bảo đảm yêu cầu chi chung và kinh phí chia tỉnh. Về nợ tồn đọng: Ban thanh toán công nợ của tỉnh báo cáo đầy đủ cho Ban chỉ đạo chung và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quy định trách nhiệm thanh toán, công nợ như sau: huyện thuộc tỉnh nào có nợ thì tỉnh đó chịu trách nhiệm thu hồi để thanh toán. Nợ của xí nghiệp, công ty giao cho tỉnh nào thì tỉnh đó chịu trách nhiệm thu hồi và thanh toán. Nợ chung thì 2 tỉnh chia ra một cách hợp lý để mỗi tỉnh lo chỉ đạo thanh toán.

Tài sản đặc biệt như: vũ khí của cơ quan Công an, Quân sự, các phương tiện chuyên dùng của mỗi cơ quan xem xét phân chia cho hợp lý. Về hồ sơ tài liệu lưu trữ thì cơ quan tỉnh sở tại đang lưu trữ chịu trách nhiệm tiếp tục giữ gìn, lưu trữ, tỉnh khác cần thứ gì thì sao chụp lại, không phân chia để bị thất lạc.

Sau khi phân chia tài sản, các xí nghiệp, công ty nào có yêu cầu hợp tác liên doanh nhau sẽ kết hợp liên doanh đúng theo chủ trương, chính sách, luật pháp qui định.

Về nhà ở của cán bộ đang ở Cần Thơ được bố trí về công tác ở Sóc Trăng thì trao đổi với các đồng chí trước mắt nên ổn định để gia đình sinh sống, con em học hành, nếu có bán thì không nên bán vội gây xáo động giá cả. Đối với nhà cấp 3, 4 của Nhà nước đã hóa giá bán cho cán bộ trước đây, nay các đồng chí muốn bán thì động viên các đồng chí bán lại cho Nhà nước, Nhà nước sẽ tính phần trượt giá cho hợp lý và chi phí sửa chữa nếu có, không để thiệt cho các đồng chí. Nếu có giải quyết gì về chính sách cho cán bộ, nhân viên được điều động về công tác tỉnh mới phải do tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

Gắn với việc tiến hành chia tỉnh phải chuẩn bị mọi việc để sau khi chia tỉnh và đi vào hoạt động ổn định thì tiến hành Đại hội vòng II của mỗi tỉnh. Trách nhiệm chuẩn bị và lãnh đạo Đại hội vòng II là của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời ở mỗi tỉnh. Trong tổ chức chỉ đạo thực hiện cần thành lập ban chỉ đạo chung và các tiểu ban về công tác tư tưởng, về chỉ đạo sắp xếp tổ chức cán bộ, nhân viên; về phân chia tài sản giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kịp thời (có quyết định thành lập các tổ chức). Thời gian tiến hành từ khi có nghị quyết đến 15/2/1992, làm xong bước tổ chức, học tập thông suốt trong nội bộ về mục đích, yêu cầu chia tỉnh; dự kiến xong việc sắp xếp tổ chức; phân chia cán bộ, nhân viên; phân chia tài sản, chuẩn bị chỗ nơi làm việc, chỗ ở cho bộ máy tỉnh mới.

Sau khi có Nghị quyết 15 của Tỉnh uỷ, công tác chuẩn bị việc chia tỉnh được thực hiện khẩn trương, các bước được tiến hành chặt chẽ, đảm bảo khá tốt yêu cầu của Tỉnh uỷ đề ra.

Ngày 19 tháng 3 năm 1992, Bộ Chính trị ra Quyết định số 229-NS/TW, về việc chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng có 25 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 7 đồng chí, đồng chí Trần Văn Vụ được chỉ định làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Tô Bửu Giám làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Đầu tháng 4 năm 1992, Tỉnh uỷ Sóc Trăng cùng chính quyền, đoàn thể và các địa phương của tỉnh bắt đầu đi vào hoạt động.

## II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG SAU KHI TỈNH SÓC TRĂNG ĐƯỢC TÁI LẬP

Đặc điểm của tỉnh Sóc Trăng khi tái lập có 7 đơn vị hành chính gồm các huyện Mỹ Tú, Kế Sách, Thạnh Trị, Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu và thị xã Sóc Trăng. Tỉnh lỵ đặt tại thị xã Sóc Trăng. Về địa giới hành chính, tỉnh nằm ở cuối khu vực sông Hậu, diện tích tự nhiên 3138,67 km<sup>2</sup>, với số dân 1.067.167 người<sup>(1)</sup>. Theo báo cáo của tỉnh thì diện tích tự nhiên là 317.834 ha (có tài liệu ghi 3.223 km<sup>2</sup>), đất nông nghiệp 241.990 ha trong đó đất trồng lúa là 188.067 ha chiếm 71,28% đất nông nghiệp, Sóc Trăng được xem là vựa lúa của Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước; đất phèn mặn, nhiễm mặn và đất phèn chiếm 65,04% diện tích. Tỉnh có nhiều cù lao phì nhiêu, có bờ biển dài 72 km với 3 cửa sông lớn là Trần Đề, Định An và Mỹ Thanh, tiềm năng và nguồn lợi thủy sản rất lớn, rất thuận lợi cho việc khai thác thủy sản nhưng cũng là cửa ngõ của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cần phải được bảo vệ vững chắc. Dân số của tỉnh 1.122.556 người<sup>(1)</sup>, mật độ 353 người/km<sup>2</sup> nhưng thành phần đa dạng: Dân tộc Khmer 298.264 người chiếm 27,95%, dân tộc Hoa 77.316 người chiếm 7,24% dân số. Tín đồ tôn giáo chiếm 37,37%, đại bộ phận theo đạo Phật (77,77% tín đồ Phật giáo người Khmer).

Tỉnh Sóc Trăng có truyền thống cách mạng lâu đời và truyền thống đoàn kết trong nội bộ Đảng và giữa Đảng với nhân dân, tinh thần đoàn kết các dân tộc, lương giáo tốt đẹp đã được thể hiện qua các thời kỳ cách mạng từ khi thành lập Đảng đến nay, tạo thành sức mạnh vững chắc cho sự phát triển.

Từ khi hợp nhất với tỉnh Cần Thơ và thành phố Cần Thơ thành tỉnh Hậu Giang, trong hơn 16 năm, Đảng bộ và nhân dân Sóc Trăng đã có phần đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của tỉnh Hậu Giang, đạt những thành tích quan trọng như:

Về nông nghiệp: Trong thành tích chung gần 2 triệu tấn lương thực của tỉnh cũ, các huyện, thị của Sóc Trăng đã sản xuất được 768.687 tấn lúa (so với 476.548 tấn năm 1976, tăng 292.139 tấn), năng suất bình quân năm là 33,20 tạ/ha (so với 22,43/ha năm 1976).

Về thủy sản: Thế mạnh thứ hai của tỉnh Hậu Giang, riêng năm 1991 khu vực Sóc Trăng đã đánh bắt được 26.000 tấn (14.000 tấn ở biển), có diện tích nuôi trồng là 22.000 ha (trong số 27.000 ha nuôi trồng của tỉnh Hậu Giang). Tuy nhiên, đầu tư vốn và khoa học kỹ thuật còn ít nên năng suất nuôi trồng chỉ đạt bình quân 100 kg/ha.

<sup>(1)</sup> Theo Công báo số 5, trang 114, ngày 15 tháng 3 năm 1992 và sách Việt Nam những thay đổi địa danh, địa giới hành chính (1945 – 2002) của Nguyễn Quang Ân, NXB Thông tấn, Hà Nội 2003.

<sup>(1)</sup> Theo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ VIII.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Tỉnh có 28 xí nghiệp quốc doanh với 1.090 lao động, ngoài quốc doanh có 3.286 cơ sở với 12.166 lao động, chủ yếu trong ngành công nghiệp thực phẩm, chế biến lương thực. Giá trị sản lượng ngành sản xuất thiết bị máy móc cơ khí rất nhỏ bé chỉ có 9 tỷ 111 triệu đồng trong tỷ trọng giá trị công nghiệp chung là 151 tỉ 780 triệu đồng. Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nói chung (cả tỉnh Hậu Giang là 40,8%); trong khi đó, tỷ trọng công nghiệp quốc doanh khu vực Sóc Trăng là 14,4% (ở tỉnh Hậu Giang 29,80%). Lượng điện tiêu thụ năm 1991 chỉ có 29,8 triệu KW/h, bình quân người dân chỉ được 26,5 KW/năm.

Về giao thông, bưu điện: Tổng chiều dài các tuyến đường trong tỉnh là 342 km (có 104 km tráng nhựa), 1.870 cầu nhưng phần lớn cầu đường xuống cấp. Bưu điện có tổng đài tự động 2.000 số, kết nối vòng mạng lưới quốc gia, đảm bảo được yêu cầu trước mắt. Cả giao thông, bưu điện đều nhỏ bé, yếu kém cần được củng cố để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ lúc bình thường cũng như lúc khẩn cấp.

Về vấn đề ruộng đất và cải tạo nông nghiệp: Sau khi thực hiện cơ chế khoán sản phẩm theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, trong 24 hợp tác xã và 3.768 tập đoàn sản xuất trước đây của khu vực Sóc Trăng, chỉ còn 5 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động (1 ở Kế Sách, 2 ở Long Phú, 3 ở thị xã Sóc Trăng), các tập đoàn sản xuất hầu hết tan rã, có nơi còn nhưng là hình thức, hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động.

Tình trạng cầm cố, sang bán đất đai nhất là trong đồng bào dân tộc Khmer xảy ra một cách phổ biến, dù chính quyền địa phương hết sức giáo dục ngăn chặn nhưng vẫn diễn biến phức tạp. Việc tranh chấp đất đai vẫn còn, chủ yếu hộ A đòi hộ B trả hoa lợi ruộng đất và tranh chấp trong nội bộ thân tộc.

Về phân phối lưu thông: Thực hiện cơ chế mới, các cơ sở mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán đang được củng cố theo hướng nắm cơ bản lương thực, hàng xuất khẩu chủ lực là gạo và thủy sản. Tỷ trọng cửa hàng tư nhân cá thể trong buôn bán và dịch vụ đều tăng mạnh nhất là cửa hàng ăn uống giải khát.

Về văn hoá xã hội: Trong những năm hợp nhất, tỉnh đã thực hiện chính sách cần kiệm xây dựng quê hương tập trung cho cơ sở về các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, thể dục thể thao... nhất là trong đồng bào Khmer, vùng căn cứ kháng chiến và vùng nông thôn sâu. Đã đầu tư xây dựng 1.510 cây nước cho vùng mặn, miễn học phí cả ba cấp I, II, III cho con em người Khmer; trang bị máy thu thanh, thu hình cho vùng kháng chiến cũ và vùng dân tộc. Học sinh Khmer chiếm 16,14% số học sinh cả tỉnh, giáo viên Khmer chiếm 32,8% tổng số giáo viên của ngành giáo dục. Xây dựng 235 căn nhà tình nghĩa, có tiến bộ trong thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Về an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội về cơ bản được đảm bảo. Tội phạm hình sự và các trọng án giảm, tuy nhiên, tệ nạn xã hội, mê tín, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm... có chiều hướng gia tăng. Về quốc phòng, đã triển khai kế hoạch phòng thủ toàn tỉnh gắn nội dung tác chiến phòng thủ với kế hoạch phòng chống biểu tình gây rối, đã diễn tập xong ở các huyện, thị và 75/94 xã, phường. Tuyên quân các năm đều vượt chỉ tiêu. Tổ chức dân quân tự vệ được 1,29% dân số. Việc bảo vệ bờ biển và vùng biển đảm bảo tốt.

Về hệ thống chính trị, khi tách ra đội ngũ cán bộ, nhân viên được điều động về tỉnh Sóc Trăng chỉ chiếm 13% so với tổng số của tỉnh Hậu Giang<sup>(1)</sup>. Do đó, đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của các sở, ban, ngành rất thiếu.

Tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh, sau khi tách tỉnh đã dần dần ổn định đi vào hoạt động. Hệ chính quyền (không tính 8 cơ quan trung ương) ở 23 đơn vị ban, ngành tỉnh và 7 huyện, thị biên chế chung là 2.637 người (cấp tỉnh 1.432 người).

Khi tỉnh mới được tái lập, mặt bằng và điểm xuất phát của nền kinh tế còn rất thấp, nông nghiệp chủ yếu là độc canh cây lúa, thu nhập đầu người khoảng 127 USD. Nông nghiệp phát triển chưa toàn diện và chưa vững chắc, phần lớn diện tích đất nông nghiệp bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, thiếu nước ngọt, diện tích tăng vụ chưa đáng kể, trên 80% đất nông nghiệp canh tác 01 vụ lúa; Hè thu tăng vụ năm 1991 là 57.670 ha; hệ số quay vòng đất đạt 1,3 vòng; năng suất bình quân 33,2 tạ/ha, tổng sản lượng lúa 768.689 tấn. Thủy lợi chưa hoàn chỉnh, diện tích thủy lợi cơ sở đến hết năm 1991 là 125.765 ha, trong đó diện tích Hè Thu 41.520 ha, Mùa cao sản 60.485 ha; diện tích thủy lợi cơ sở tương đối hoàn chỉnh chỉ là 39.500 ha. Cơ sở vật chất, kỹ thuật còn thấp kém, đặc biệt là cơ sở hạ tầng như mạng lưới giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc còn lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Trình độ dân trí thấp, trường lớp xuống cấp nhiều, tình trạng học ca 3 còn khá nhiều. Trong tổng số 2.788 phòng học lúc đó đã có 788 phòng học tre lá, 908 phòng học bán kiên cố mà phần lớn đã quá thời gian sử dụng. Số phòng học ca 3 lên đến 135 phòng. Mạng lưới trường lớp phát triển chưa nhiều, nhiều xã chưa có trường trung học cơ sở, toàn tỉnh chỉ có 15 trường trung học phổ thông (4 trường cấp III và 11 trường cấp II-III). Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp còn thấp: Tiểu học chỉ đạt 89,9%, trung học cơ sở 25,4% và trung học phổ thông là 5,2% so với độ tuổi của từng cấp học. Đội ngũ cán bộ, giáo viên thiếu nghiêm trọng; tuyển sinh vào sư phạm gặp không ít khó khăn, số giáo viên nghỉ việc vẫn còn nhiều. Chỉ tính riêng năm học 1991-1992 đã có 560 giáo viên nghỉ việc. Số giáo viên đạt chuẩn còn rất thấp, nhất là bậc tiểu học hơn 70% chưa đạt chuẩn. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, số hộ đói nghèo chiếm trên 64% tổng số hộ, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc Khmer, vùng sâu, trong đó có tới 27,7% hộ thiếu đói<sup>(1)</sup>. Tốc độ phát triển dân số tự nhiên còn cao, thu nhập trong các tầng lớp nhân dân còn thấp; nhất là tình trạng nghèo, đói chiếm tỷ lệ lên đến 64,4% tổng số hộ; trong đó có đến 27,7% số hộ thiếu ăn từ 4 tháng trở lên, thường xuyên phải cứu đói. Thực trạng đời sống của người dân khu vực thị trấn, thị xã còn thấp, số người thất nghiệp không có việc làm còn rất cao (khoảng 26%). Về nhà ở thì chỉ có 9% là kiên cố, 30% là bán kiên cố, còn lại 61% là nhà cây lá, trong đó có trên 24% là nhà tre lá rất tạm bợ. Về tiện nghi sinh hoạt gia đình thì chỉ có 15% hộ có máy thu thanh, 10% có máy thu hình, 12% hộ có xe gắn máy và khoảng 70% hộ sắm được ghe, xuồng. Tình trạng cầm cố, sang bán đất đai nhất là trong đồng bào dân tộc, dù hết sức giáo dục ngăn chặn nhưng vẫn xảy ra. Việc tranh chấp đất đai vẫn còn, chủ yếu hộ A đòi hộ B trả hoa lợi ruộng đất và tranh chấp trong nội bộ thân tộc.

Nguồn thu ngân sách rất thấp, không đủ chi. Thu chi tiền mặt qua ngân hàng năm 1991 bội chi là 3 tỷ 018 triệu đồng, ngân sách chủ yếu qua thuế nông nghiệp cả năm chỉ

---

<sup>(1)</sup> Báo cáo năm 1992 của Tỉnh ủy Sóc Trăng (số 12.BC/TU, ngày 31 tháng 12 năm 1992).

<sup>(1)</sup> Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo từ nay đến năm 2005 và 2010.

được 37 tỉ 366 triệu đồng, không đảm bảo yêu cầu tối thiểu chi. Thu thuế vườn, rẫy còn quá thấp, chưa được quan tâm đúng mức. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội còn phức tạp. Bọn địch và kẻ xấu luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng. Việc thực hiện và chấp hành kỷ cương luật pháp còn lỏng lẻo<sup>(2)</sup>. Hệ thống chính trị còn nhiều mặt thiếu kém, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý thiếu, yếu. Những năm đầu mới tách tỉnh bị thiên tai, hạn hán, triều cường phá hoại mùa màng ảnh hưởng lớn đến đời sống và phát triển kinh tế của tỉnh.

### III. NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG, ĐỀ RA CÁC CHỦ TRƯỞNG, GIẢI PHÁP CỤ THỂ TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC MẮT (4/1992 - 9/1992)

Tháng 4 năm 1992, Tỉnh uỷ lâm thời Sóc Trăng đi vào hoạt động. Dù bộn bề với bao lo toan công việc của một tỉnh mới tái lập nhưng Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tập trung nghiên cứu, khảo sát nắm tình hình, chuẩn bị những nội dung cần thiết để phục vụ cho sự lãnh, chỉ đạo sắp tới.

Ngày 09 tháng 4 năm 1992, tại Hội trường Tỉnh uỷ, kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng được khai mạc, về dự có 38/39 đại biểu. Hội nghị tiến hành bầu cử các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, kết quả Hội đồng nhân dân do đồng chí Đoàn Thế Lâm làm Chủ tịch, đồng chí Lâm Uôl làm Phó Chủ tịch; Uỷ ban nhân dân tỉnh do đồng chí Lê Thanh Bình (Lê Phú Hộ) làm Chủ tịch, các đồng chí Lê Hoàng Hưng và Lưu Khánh Vân làm Phó chủ tịch. Đồng thời bầu các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân, Hội thẩm nhân dân và Đoàn thư ký các kỳ họp.

Từ ngày 20 đến 23 tháng 4 năm 1992, Ban Chấp hành Tỉnh uỷ lâm thời Sóc Trăng họp lần thứ nhất, thảo luận, quyết định và ra Nghị quyết 01.NQ/TU về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1992. Nghị quyết đã đánh giá tình hình và những thuận lợi, khó khăn sau khi tái lập tỉnh và đề ra các nhiệm vụ chủ yếu của năm 1992 như sau:

- Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường vượt qua khó khăn, phát huy đúng mức tiềm năng và 2 thế mạnh là nông nghiệp và thủy, hải sản, phát huy khả năng đóng góp của đồng bào trong tỉnh, đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các tỉnh bạn và nước ngoài nâng tốc độ phát triển kinh tế lên một bước cao hơn những năm qua, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp sau.

- Từng bước ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân, thu hẹp diện thiếu đói lúc giáp hạt, đặc biệt là chú trọng cải thiện đời sống của đồng bào Khmer, giảm tỉ lệ sinh và suy dinh dưỡng của trẻ em. Chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn hoá, khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc địa bàn vùng biển của tỉnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động đối phó với mọi tình huống.

- Sớm ổn định tổ chức bộ máy của các cơ quan của tỉnh. Thiết lập cho được kỷ luật, trật tự theo cơ chế mới, có biện pháp thiết thực ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và xử lý các vụ việc đã kết luận, có kế hoạch chống tham nhũng, buôn lậu có hiệu quả.

---

<sup>(2)</sup> Nghị quyết số 01.NQ/TU, ngày 25 tháng 5 năm 1992 của Tỉnh uỷ Sóc Trăng về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1992.



- Đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh, xây dựng các chi bộ, đảng bộ cơ sở “Trong sạch vững mạnh”, đồng thời làm tốt hơn nữa công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 8B của Trung ương Đảng (khoá VI). Củng cố hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Nhìn chung sau khi tỉnh Sóc Trăng được tái lập, chỉ trong một thời gian ngắn, bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các địa phương nhanh chóng được hình thành, củng cố, hoàn thiện và đi vào hoạt động tương đối tốt, đảm bảo cho sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Tỉnh uỷ lâm thời đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Từ sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ đối với các lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội mà đến cuối năm 1992 tỉnh Sóc Trăng đã đạt được những thành tích đáng kể: Tuy kết cấu hạ tầng của tỉnh còn yếu kém, trình độ dân trí thấp, diện tích canh cấy lúa còn lớn lại bị thiên tai, sóng thần và triều cường làm thiệt hại lớn đến kinh tế. Song dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, nền kinh tế của tỉnh cũng đã vượt qua những khó khăn nghiêm trọng nhất để đi lên. Nâng diện tích gieo trồng vụ Hè thu lên 241.801ha, tăng 7000ha, vụ Mùa tăng 1000ha đạt sản lượng 826.837 tấn, tăng 7,49% so với năm 1991.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương đạt 15 tỷ 159 triệu đồng tăng 3,5% so với năm 1991. Xây dựng cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Tổng doanh số hoạt động nội thương đạt 55 tỷ đồng. Xuất khẩu thực hiện đạt 24,7 triệu USD, sản phẩm chính là gạo, khoảng 100.000 tấn, nhập khẩu 13 triệu USD. Tổng thu ngân sách Nhà nước địa phương đạt 40 tỷ đồng, chi ngân sách 56 tỷ đồng.

Công tác giáo dục đào tạo đã huy động được 192.730 học sinh ra lớp đến trường, trong đó học sinh trong độ tuổi cấp I và cấp II đạt 85%. Tăng cường đầu tư củng cố mạng lưới trường lớp, sắp xếp qui hoạch đội ngũ cán bộ, giáo viên ngành giáo dục. Tuy nhiên vẫn còn 253 phòng học 3 ca và tre lá, thiếu 534 giáo viên (chủ yếu là ở cấp I), việc xã hội hoá giáo dục và đào tạo còn rất nhiều khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, phát triển dân số còn 2,22% (giảm 0,06% so với năm 1991). Thực hiện các chương trình tiêm chủng mở rộng, tuy nhiên cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám, trị bệnh và kinh phí hoạt động không đảm bảo yêu cầu, tuyến y tế cơ sở vùng nông thôn yếu kém kéo dài. Hoạt động văn hoá thông tin, thể thao và báo, đài hướng vào phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, từng bước nâng cao nội dung và hình thức. Đài Phát thanh - Truyền hình đi vào hoạt động rất sớm, phát thanh cả 2 thứ tiếng Việt, Khmer. Các đoàn văn công chuyên nghiệp phát huy tốt tác dụng. Thực hiện các chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa các cấp đã xây dựng và giao nhận xong 70 căn nhà và 92 sổ tiết kiệm tình nghĩa. Lắp đặt thêm 343 cây nước phục vụ vùng dân tộc, vùng mặn. Tạo điều kiện cho 900 đối tượng trở về ổn định cuộc sống theo chương trình EC<sup>(1)</sup> tài trợ.

Đảng bộ đã lãnh đạo nhanh chóng khắc phục khó khăn về nơi chốn làm việc, điều động, bố trí lực lượng, giữ vững an ninh chính trị trong tỉnh. Tuy nhiên tình hình an ninh trật tự xã hội còn phức tạp, một số sĩ quan nguy quân, nguy quyền có biểu hiện nhen nhóm, tập hợp lực lượng. Một số vụ cướp vũ trang, các tệ nạn xã hội có chiều hướng lan rộng cả ở thành thị và nông thôn.

---

<sup>(1)</sup> Quỹ đầu tư của cộng đồng Châu Âu

Chỉ trong vòng 5 tháng nhưng Tỉnh ủy lâm thời vừa nỗ lực nhanh chóng ổn định tình hình, sắp xếp tổ chức bộ máy để đi vào hoạt động vừa tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ VIII nhiệm kỳ (1992 - 1995). Trong điều kiện khó khăn như vậy nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời tình hình của tỉnh nhà đã đạt được những thành tựu rất đáng trân trọng: Trước hết là về nhận thức và tâm trạng xã hội, đại đa số cán bộ đảng viên và nhân dân phấn khởi khi tỉnh mới được tái lập và đi vào hoạt động vì chẳng những Đảng gần dân hơn mà cơ hội được thụ hưởng phúc lợi xã hội của người dân cũng thuận tiện hơn. Điều đó là một trong những động lực thôi thúc mọi người tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương Sóc Trăng anh hùng trong quá khứ, nêu cao ý chí quyết tâm và tinh thần tự lực tự cường, chung lưng đấu cật, góp sức dựng xây quê hương ngày càng giàu đẹp.

Dù thời gian tiếp thu Nghị quyết của Quốc hội về tái lập tỉnh Sóc Trăng là quá ngắn, tuy nhiên Tỉnh ủy lâm thời đã nhanh chóng ổn định việc sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm tình hình của một đơn vị hành chính mới. Đồng thời trước những đòi hỏi bức xúc về đội ngũ cán bộ, Tỉnh ủy lâm thời cũng sớm có kế hoạch dài hạn để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cả về chuyên môn lẫn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu, tình hình nhiệm vụ mới. Bên cạnh việc sắp xếp tổ chức bộ máy, Tỉnh ủy lâm thời cũng chỉ đạo việc sắp xếp và ổn định nơi làm việc, trong điều kiện còn thiếu thốn trăm bề thì việc ổn định nơi làm việc là hết sức khó khăn. Tuy vậy, với tinh thần hợp tác, nhường nhịn, giúp đỡ lẫn nhau chỉ trong một thời gian ngắn các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh cũng tạm ổn định nơi làm việc. Cũng ngay từ thời điểm này, Tỉnh ủy đã bắt đầu chỉ đạo chặt chẽ về định hướng đầu tư xây dựng cơ bản trong tương lai của tỉnh.

Trong khi phải dồn sức để chỉ đạo những công việc cấp bách cho một tỉnh mới đi vào hoạt động, Tỉnh ủy lâm thời cũng tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị. Nhờ đó trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của tỉnh đã dần dần đi vào thế ổn định và phát triển.

Để có những thành tựu nêu trên có nhiều nguyên nhân song cơ bản và quan trọng nhất vẫn là sự đoàn kết thống nhất trong Tỉnh ủy lâm thời. Và thật sự Tỉnh ủy đã làm được vai trò là trung tâm đoàn kết của 3 nguồn cán bộ từ Cần Thơ về, từ các huyện rút lên và tại chỗ. Mặt khác, đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh đều là những người am hiểu và nặng tình nặng nghĩa với Sóc Trăng do vậy luôn tâm huyết để tìm cách hiến kế xây dựng quê hương. Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh luôn duy trì và phát huy tốt khối đại đoàn kết toàn dân. Tuy nhiên so với yêu cầu nhiệm vụ một số mặt công tác vẫn còn hạn chế: Do thời gian hoạt động của Tỉnh ủy lâm thời còn ngắn nên trong chỉ đạo một số hoạt động chưa thật căn cơ, chưa có những giải pháp mang tính đột phá nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ. Dù có cố gắng rất nhiều trong công tác điều động, sắp xếp đội ngũ cán bộ nhưng thực tế vẫn còn hụt hẫng rất nhiều, lực lượng cán bộ công tác trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật còn thiếu rất nghiêm trọng. Việc chỉ đạo khắc phục hạn hán, sâu rầy chưa quyết liệt. Công tác giải quyết tranh chấp ruộng đất giữa hộ A và hộ B chưa được quan tâm đúng mức do vậy tình trạng cầm cố, tích tụ ruộng đất ngày càng tăng.

Nhìn một cách tổng thể Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, vững vàng trong điều hành các hoạt động, bước đầu đã tạo được những thành tựu

nhất định làm tiền đề vững chắc để Đảng bộ tỉnh vững tin bước vào Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ VIII nhiệm kỳ (1992- 1995).

#### IV. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH SÓC TRĂNG LẦN THỨ VIII VỚI NHIỆM VỤ TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI CỦA ĐẢNG, KHAI THÁC TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA TỈNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, BẢO VỆ VỮNG CHẮC AN NINH, QUỐC PHÒNG.

Từ ngày 10 đến 12 tháng 9 năm 1992, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII nhiệm kỳ (1992-1995) được tổ chức trọng thể tại Hội trường Tỉnh ủy (thị xã Sóc Trăng). Về dự đại hội có 194/195 đại biểu được triệu tập, đại diện cho 8.889 đảng viên ở các Đảng bộ huyện, thị và các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ. Đồng chí Lê Khả Phiêu, Bí thư Trung ương Đảng, thay mặt Ban Bí thư về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã đánh giá sâu sắc về đặc điểm và thực trạng kinh tế xã hội của tỉnh và đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ và các công tác lớn của nhiệm kỳ (1992-1995). Về đánh giá tình hình, báo cáo chính trị trình đại hội đã chỉ rõ:

Dù chỉ qua một thời gian ngắn với biết bao khó khăn chông chát trong thời kỳ đầu tái lập tỉnh nhưng Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sóc Trăng đã nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi, từng bước vượt qua những thách thức ban đầu, đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ: Nhanh chóng ổn định nơi ăn, ở, nơi làm việc. Các lĩnh vực kinh tế từng bước ổn định và có sự phát triển. Hoạt động văn hóa – xã hội có nhiều tiến bộ. An ninh quốc phòng được giữ vững ổn định. Đặc biệt, một trong những thành tựu nổi bật trong giai đoạn này là: Đảng bộ tỉnh đã dồn sức tập trung chỉ đạo quyết liệt để ổn định và xây dựng hệ thống chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển của tỉnh nhà trong những năm tiếp theo. Cụ thể là: Tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cấp tỉnh đã tương đối ổn định, song còn một số ban, ngành và ở cấp cơ sở hoạt động còn yếu. Tính đến 27/8/1992 toàn tỉnh có 8.889 đảng viên (trong đó có 1.008 nữ, 733 Khmer, 163 Hoa). Ở phường, xã, thị trấn có 5.558 đảng viên chiếm 62,53%, có 375 cơ sở Đảng (91 Đảng bộ và 284 chi bộ cơ sở ), còn 90 ấp chưa có đảng viên tại chỗ trong tổng số 741 ấp toàn tỉnh. Các đảng bộ huyện, thị những năm trước đã liên tục tiến hành củng cố các cơ sở Đảng, tổ chức các cuộc kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ, chuẩn bị Đại hội các cấp, và tiến hành cuộc khảo sát đảng viên, làm cơ sở để thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3.

Trên cơ sở đánh giá một cách trung thực, khách quan, không né tránh những mặt còn hạn chế, đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ và các công tác lớn của nhiệm kỳ 1992- 1995 một cách khá toàn diện.

Mục tiêu chung của đại hội đã thể hiện rõ quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà trong quá trình phấn đấu xây dựng quê hương Sóc Trăng giàu mạnh: “Phát huy truyền thống đoàn kết, quật cường của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, tiếp tục thực hiện đổi mới của Đại hội VII, khai thác hai thế mạnh là nông nghiệp và thủy sản, phá thế độc canh cây lúa, xoá đói giảm nghèo trong nhân dân, nhất là vùng dân tộc, nâng cao dân trí, giữ vững ổn định về chính trị, trật tự xã hội và bảo vệ vững chắc an ninh quốc phòng của tỉnh”.

Từ mục tiêu chung nêu trên, đại hội đã thảo luận, cân nhắc và tính toán tính khả thi để đề ra các chỉ tiêu chung:

Nâng mức phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 lên 5 lần so với 1991. Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân năm 10%. Thu nhập quốc dân sản xuất tăng bình quân năm 11%. Thu nhập quốc dân sản xuất đầu người năm 1995: 560.891 đồng (so với 393.292 đồng năm 1991- giá cố định năm 1989). Tăng dân số đến năm 1995 là 2,1% (1991 là 2,28%).

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 đồng chí. Phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Tỉnh ủy bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Vụ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Tạ Quang Chài và Lê Thanh Bình được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Để đảm bảo cho nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thực hiện thành công, ngay tại đại hội này, Đảng bộ tỉnh đã đề ra chương trình hành động từ tháng 9/1992 đến cuối năm 1993, đồng thời đề ra các biện pháp để tổ chức thực hiện. Chương trình hành động thể hiện sự quyết tâm của Đảng bộ tỉnh ngay từ những ngày đầu của nhiệm kỳ mới. Với những nội dung cơ bản như sau: Làm cho Đảng bộ quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng, gắn chặt với các Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 1992 – 1995, nhận rõ bối cảnh tình hình thế giới và trong nước ta hiện nay, các vấn đề vừa quan trọng vừa cấp bách do thời cuộc đặt ra: Về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, về an ninh quốc phòng, về đổi mới và chỉnh đốn Đảng gắn chặt với nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Hội nghị Trung ương lần thứ 2 đã quyết định. Tất cả phải được tiến hành một cách đồng bộ, trong đó nhiệm vụ kinh tế là trung tâm và nhiệm vụ xây dựng Đảng giữ vai trò then chốt.

Tỉnh ủy và các huyện ủy, thị ủy, phân công, phân định trách nhiệm từng ngành, từng đồng chí chủ chốt, phân cấp quản lý cán bộ, qui định rõ lề lối làm việc trong nội bộ cấp ủy, giữa cấp ủy với chính quyền, với các ban ngành, mặt trận, đoàn thể ... Thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật, có kế hoạch cho từng cấp ủy viên đi sát cơ sở, sát phong trào, sát quần chúng. Thực hiện đúng phương châm: “Bàn kỹ mới quyết”, “Đã quyết phải làm”, “Làm nhiều hơn nói”, “Bớt họp để đi cơ sở”.

Đại hội Đảng bộ tỉnh là Đại hội của trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương và đoàn kết, toàn Đảng bộ cần biến Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh thành phong trào nhân dân tự giác, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết tạo điều kiện thuận lợi cho những năm tiếp theo nhằm xây dựng tỉnh Sóc Trăng thân yêu từng bước tiến lên giàu mạnh đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Bước sang năm 1993, tỉnh Sóc Trăng cùng với cả nước tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII nhiệm kỳ (1992 – 1995). Vì vậy Đảng bộ phải nâng cao ý thức tự lực, tự cường ra sức lãnh đạo, chỉ đạo phát huy thành quả đạt được trong năm 1992, khắc phục mặt yếu kém và những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ công tác và các chỉ tiêu chủ yếu: Tổng sản phẩm xã hội tăng từ 9% đến 10% so với năm 1992. Thu nhập quốc dân tăng từ 10% đến 11% so với năm 1992. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng từ 8% đến 9%, trong đó sản lượng lúa cả năm đạt từ 850.000 tấn trở lên; giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 6% đến 7% so với năm 1992. Kim ngạch xuất khẩu đạt từ 40 – 45 triệu USD, tăng 1,85 lần so với năm 1992, trong đó xuất khẩu gạo đạt từ 150.000 tấn đến 180.000 tấn. Thu ngân sách Nhà

nước đạt từ 100 tỷ đến 110 tỷ đồng. Phân đầu hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên từ 2,23% năm 1992 còn 2,18% năm 1993<sup>(1)</sup>.

Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng đã vận dụng các chủ trương, nghị quyết của trung ương vào tình hình thực tế ở địa phương, thực hiện nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm 1993 đạt được nhiều kết quả.

Tổng sản phẩm quốc nội GDP của tỉnh trong năm 1993 đã đạt 594 tỷ đồng (giá cố định năm 1989) tăng 21,97% so với năm 1992. Trong đó khu vực I tăng 18,20%, khu vực II tăng 31,8%, khu vực III tăng 26,08%.

Đối với nông nghiệp, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, Tỉnh uỷ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện. Năm 1993, diện tích gieo trồng lúa đạt 244.764 ha, tăng 5.418 ha so với năm 1992, nhưng do thiên tai, sâu rầy gây thiệt hại vụ mùa và đông xuân nên sản lượng lúa chỉ đạt 689.340 tấn, giảm 137.496 tấn so với năm 1992, chỉ đạt 76,59% chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội. Chăn nuôi, đàn heo tăng 14,18% (172.312 con); đàn gia cầm tăng trên 20% (1,98 triệu con); đàn trâu, bò giảm 1,48% (27.000 con). Đã giải quyết 1313 vụ tranh chấp đất đai, tuy nhiên vẫn còn trên 200 vụ tồn đọng chưa giải quyết xong.

Thủy sản là thế mạnh thứ hai của tỉnh, thực tiễn đã cho thấy đây là một trong những ngành mũi nhọn của tỉnh. Riêng năm 1993, khai thác được 28.000 tấn, tăng 7,69% so với năm 1992, đạt 90,32% so chỉ tiêu Đại hội đề ra. Diện tích nuôi tôm lên đến 16.500 ha, đạt 110% chỉ tiêu đại hội. Một số mô hình nuôi tôm đạt hiệu quả. Tuy nhiên còn phổ biến là nuôi quảng canh, kỹ thuật canh tác còn ở trình độ thấp, năng suất thấp (300-400 kg/ha). Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8,3 triệu USD, tăng gần 2 lần so năm 1992. Lâm nghiệp, diện tích trồng mới được 530 ha, đưa tổng diện tích rừng toàn tỉnh lên 7.192 ha. Sản xuất công nghiệp có giá trị tổng sản lượng đạt 199,47 tỷ đồng (giá cố định năm 1989) tăng 33,49% so với năm 1992.

Ngày 27/10/1992 đợt triều cường lớn xảy ra ở tỉnh Sóc Trăng làm thiệt hại nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân. Chính sau lần thiên tai đó, việc xây dựng hệ thống đê sông, biển ở Sóc Trăng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Sau nhiều lần cân nhắc, Tỉnh uỷ đã quyết định xây dựng hệ thống đê sông, biển của tỉnh Sóc Trăng. Công trình được khởi công vào tháng 6/1993.

Cũng trong năm, mạng lưới điện quốc gia đưa về đến trung tâm 42/94 xã, phường, thị trấn, nâng mức tiêu thụ bình quân 32 kw/h/người/năm. Hệ thống thông tin liên lạc đã lắp đặt tổng đài điện tử 6000 số và đưa điện thoại đến 24/94 xã, phường, thị trấn. Giá trị tổng sản lượng lưu thông hàng hoá năm 1993 đạt 240,5 tỷ đồng, tăng 36,16% so với năm 1992. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1993 đạt 54,4 triệu USD. Trong đó mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là gạo (220.000 tấn), tôm đông 1.553 tấn. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành trên địa bàn tỉnh. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 1993 được 91.009 triệu đồng).

Tuy nhiên, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, một số ngành kinh tế quốc doanh phát huy hiệu quả kém, bị thua lỗ, nợ nần khá lớn. Tiềm năng kinh tế biển chưa được đầu tư khai thác đúng mức; định hướng công nghiệp địa phương còn nhiều lúng

---

<sup>(1)</sup> Nghị quyết số 03.NQ/TU ngày 31/12/1992 của Tỉnh uỷ Sóc Trăng về nhiệm vụ công tác năm 1993 của Tỉnh uỷ Sóc Trăng.

túng; xây dựng cơ bản còn biểu hiện buông lỏng, một số công trình chất lượng kém; chi ngân sách mất cân đối. Nhìn chung kinh tế quốc doanh và tập thể chưa làm được vai trò chủ đạo và nền tảng cho nền kinh tế của tỉnh.

Ngày 14 tháng 1 năm 1993, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 ra Nghị quyết về những vấn đề: Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục-đào tạo; về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt; những vấn đề cấp bách về chăm sóc dân số và kế hoạch hoá gia đình; về công tác thanh niên của Đảng. Trên cơ sở này, Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình hành động để từng bước đưa lĩnh vực văn hóa- xã hội ngày càng đi vào nề nếp. Hoạt động văn hoá, văn nghệ chú trọng giữ gìn và phát huy tốt truyền thống văn hoá các dân tộc, từng bước đưa hoạt động văn hoá về cơ sở, hình thành các trung tâm văn hoá theo cụm dân cư,... đưa vận động viên tham gia thi đấu một số giải toàn quốc, nhìn chung đã tạo những tiến bộ mới. Hoạt động khoa học-công nghệ và môi trường đã có nhiều cố gắng, bước đầu thực hiện nghiên cứu ứng dụng một số đề tài phục vụ sản xuất và đời sống. Tuy nhiên hoạt động này còn mới, gặp rất nhiều khó khăn. Đội ngũ làm công tác khoa học kỹ thuật còn ít và yếu, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác giáo dục đã có nhiều tiến bộ. Số lượng học sinh, giáo viên và cơ sở vật chất hàng năm đều tăng. Công tác giáo dục mầm non, phổ cập tiểu học và xoá mù chữ từng bước nâng lên. Song so yêu cầu chất lượng dạy và học còn yếu, số mù chữ còn nhiều, học sinh bỏ học chiếm 8%, học lực yếu kém 25%. Còn 151 phòng học 3 ca, 700 phòng học tre lá; thiếu 1.417 giáo viên (chủ yếu là giáo viên cấp I). Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, cuộc vận động về kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả khá tốt, mạng lưới y tế được sắp xếp lại một bước, bệnh viện đa khoa được nâng cấp, mở rộng. Tuy nhiên dịch bệnh còn xảy ra ở một số nơi; trẻ em suy dinh dưỡng còn chiếm 63%, trang thiết bị chuyên ngành thiếu và xuống cấp trầm trọng, y đức một số nơi chưa tốt, tỷ lệ sinh và tỷ lệ tăng dân số còn cao 2,18%, bảo hiểm y tế phát huy hiệu quả kém. Về xã hội, tiếp tục thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo bước đầu đạt kết quả, có một số điển hình tốt. Tuy nhiên đại bộ phận gia đình chính sách còn nhiều khó khăn. Các vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến, vùng đồng bào dân tộc ít được cải thiện, các tệ nạn xã hội có mặt chưa giảm, có nơi còn tăng.

Công tác an ninh quốc phòng có nhiều chuyển biến, sớm bố trí lực lượng ở các địa bàn xung yếu, trọng điểm. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. Việc tuyển quân 1993 vượt chỉ tiêu trên giao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 1,75% so với dân số. Triển khai thực hiện 3 cuộc vận động lớn trong quân đội.

Tiếp tục thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo nội dung Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) năm 1993, toàn tỉnh kết nạp 625 đảng viên, lập 36 ấp trắng; kỷ luật 474 đảng viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và qui hoạch đội ngũ cán bộ được chú ý hơn. Tuy nhiên vẫn còn một số mặt yếu kém, trước hết là công tác chính trị, tư tưởng chưa làm cho Đảng bộ nhận thức đầy đủ những quan điểm đổi mới của Đảng, những khó khăn thách thức của tỉnh. Tổ chức cơ sở Đảng nhìn chung còn yếu, cán bộ chủ chốt ở một số nơi chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác xây dựng chính quyền mà trước hết là nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp và sự điều hành, tổ chức thực hiện của ủy ban nhân dân. Tuy nhiên công tác quản lý, thực thi pháp luật còn lỏng lẻo, đấu tranh chống tham nhũng hiệu quả thấp. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể có cố gắng đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động, tạo ra một số phong trào hành động của quần chúng. Đặc biệt quán triệt thực hiện Nghị quyết 04 của

Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới và nghị quyết về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất.

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 2 tháng 8 năm 1993 của Ban Bí thư về Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ, từ ngày 21 đến ngày 23/3/1994, Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (khoá VIII). Tham dự hội nghị có 98 đại biểu chính thức, đại diện cho các đảng bộ huyện, thị và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Hội nghị đã trình bày báo cáo chính trị, phân tích sâu sắc tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, khẳng định những thành tựu nổi bật, cũng như những mặt yếu kém tồn tại, rút ra những bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội VIII là: Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và kinh tế nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII); thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ tăng trưởng kinh tế - xã hội cả về chỉ tiêu sản lượng và chỉ tiêu giá trị; mở rộng quy mô đầu tư khai thác tốt tiềm năng đất đai, rừng, biển, lao động và tay nghề kỹ thuật của các thành phần kinh tế; tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị, đẩy lùi và làm giảm một bước tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị của Đảng, nhất là ở cơ sở xã, phường vững mạnh. Từ những định hướng lớn nêu trên, Đảng bộ đã đề ra những chỉ tiêu chủ yếu sau: Đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ 20% trở lên. GDP/người/năm: 200 USD, tỷ lệ tăng dân số cuối năm 1995 giảm còn 2,05%-2%.

Hội nghị bầu bổ sung 4 đồng chí vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy, 2 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tiếp tục phát huy thành tích đạt được sau 2 năm tái lập tỉnh (1992 –1993), triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1994 của Tỉnh ủy; tình hình kinh tế - xã hội và hệ thống chính trị của tỉnh nhìn chung có những chuyển biến tích cực, tạo tiền đề cho bước phát triển những năm tiếp sau:

Tỉnh tiếp tục giữ được đà tăng trưởng kinh tế cao, tổng sản phẩm quốc nội GDP của tỉnh tăng 20,46% so năm 1993 (trong đó khu vực I tăng 22,37%, khu vực II tăng 9,10%, khu vực III tăng 20,37%). Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế đạt được một số tiến bộ bước đầu, nhưng còn chậm do thiếu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thấp kém và giá trị gia tăng từ sản xuất nông nghiệp tiếp tục chiếm tỷ trọng cao (62,34%) so với giá trị gia tăng từ sản xuất công nghiệp (9,96%) và dịch vụ (27,70%).

Nhờ hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình xây dựng hệ thống đê sông, biển của tỉnh<sup>(1)</sup> nên đã ngăn mặn, tiêu lũ trong mùa mưa, tạo điều kiện khai hoang phục hóa, thâm canh tăng vụ cả lúa và màu, nuôi tôm, trồng cây ăn trái, chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Vì vậy sản lượng lúa năm 1994 đạt 1.063.000 tấn, vượt 63.000 tấn so chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ đề ra. Cùng với cây lúa, diện tích rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày đều tăng so với năm 1993; phong trào cải tạo vườn tạp được nhiều

---

<sup>(1)</sup> Hệ thống đê sông, biển của tỉnh Sóc Trăng được khởi công vào tháng 6/1993. Theo dự kiến công trình sẽ hoàn thành trong thời gian từ 3 đến 5 năm, nhưng với tinh thần nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân Sóc Trăng, chỉ sau 10 tháng thi công, công trình đã hoàn thành và khánh thành vào ngày 28/4/1994, nhân kỷ niệm 19 năm ngày giải phóng miền Nam. Hệ thống đê gồm 5 tuyến: đê Long Phú – Tiếp Nhựt, đê sông Mỹ Thanh, đê biển Vĩnh Châu, đê Mỹ Phước – Nhu Gia và đê An Thạnh Ba – Long Phú, với tổng chiều dài 202km.

tiền bộ, trồng mới 408 ha rừng phòng hộ ven biển. Ngành chăn nuôi phát triển khá ổn định và đa dạng.

Cũng nhờ có hệ thống đê sông, biển của tỉnh mà ngành thủy sản tiếp tục phát triển cả nuôi trồng, khai thác và chế biến, từng bước vươn lên giữ vị trí quan trọng là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Năm 1994 đạt tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu 19 triệu USD. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng mạnh, phát triển đa dạng. Riêng phong trào nuôi tôm sú, tôm thẻ phát triển nhảy vọt, thực hiện gần 13.000ha ở Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, Long Phú, năng suất bình quân đạt 200 – 250 kg/ha; mở ra hướng mới tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải tạo đời sống nhân dân vùng này. Tổng sản lượng khai thác (kể cả nội địa và biển) đạt 30.500 tấn (tăng 8,93%) so năm 1993, năng lực chế biến đạt 2300 tấn/năm và đang có dự án xây dựng thêm một số cơ sở. Kết quả đó, phản ánh chủ trương định hướng của Tỉnh ủy là đúng và phù hợp, ngành đã tập trung đẩy mạnh công tác khuyến ngư, mở rộng các dịch vụ phục vụ... nhiều hộ bà con chưa nắm vững quy trình kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm nuôi trồng nên hiệu quả đạt được chưa cao. Khai thác biển do chưa được đầu tư đúng mức nên vẫn còn là khâu yếu.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của tỉnh đang trên đà phát triển hướng vào thâm canh, tăng vụ, đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, tăng chỉ tiêu giá trị. Song, vốn cho sản xuất thiếu, thị trường, giá cả một số loại nông sản không ổn định, tiêu thụ sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn; các đơn vị quốc doanh, các tổ chức hợp tác tuy đã có định hướng của Nghị quyết Trung ương 5, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, nhưng tổ chức thực hiện vẫn còn chung chung, thiếu biện pháp cụ thể; nên sản xuất mang tính tự phát, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp diễn ra chậm so yêu cầu; chưa quan tâm đúng mức công tác thủy lợi nội đồng nên trong sản xuất ở một số khu vực còn gặp khó khăn.

Tình hình tranh chấp ruộng đất được giải quyết cơ bản ổn định. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giành nhiều thời gian để bàn chủ trương giải quyết những vụ việc còn tồn đọng. Tuy nhiên, tình hình tranh chấp ruộng đất vẫn còn một số trường hợp khá phức tạp, nhất là tranh chấp trong thân tộc, đòi lại đất cũ... Toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành công tác đo đạc, phân định hạng đất và đã tổ chức cấp quyền sử dụng cho 102.000 đối tượng được quyền sử dụng đất.

Giá trị tổng sản lượng sản xuất toàn ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương ước đạt 217 tỷ đồng, tăng 11,7% so năm 1993, trong đó khu vực quốc doanh chiếm tỷ trọng 30,4%; tỉnh đang xúc tiến triển khai các dự án xây dựng nhà máy bia - nước giải khát, cơ sở đông lạnh thủy sản, ... chỉ đạo khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp. Nhìn chung sản xuất đang trên đà phát triển kể cả trong các doanh nghiệp Nhà nước và các thành phần kinh tế khác, tăng mạnh là xay xát gạo và chế biến hàng thủy sản. Mặc dù giá trị sản xuất hàng năm tăng (trên 11%) và đã có nhiều cố gắng cải tiến công nghệ, lắp đặt mới một số dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại. Song, do thiếu vốn đầu tư nên giá trị gia tăng chậm, phổ biến là gia công, sơ chế nông thủy sản, năng suất, hiệu quả kinh tế chưa cao; các ngành, nghề truyền thống chưa được quan tâm chỉ đạo để phát huy đúng mức.

Các hoạt động thương mại và dịch vụ không ngừng được mở rộng với sự tham gia của các thành phần kinh tế, trong đó quốc doanh chi phối một số ngành hàng chiến lược như: lương thực, thủy, hải sản ...nhưng hệ thống tổ chức còn hạn hẹp, thị trường



nông thôn chưa vươn tới, chủ yếu là các thành phần kinh tế khác chiếm lĩnh trong khi kinh tế tập thể chưa được củng cố, phát huy.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh đến ngày 31/12/1994 được 129,2 tỷ đồng, đạt 99,43% kế hoạch tăng 42,44% so năm trước, tổng chi 195,1 tỷ đồng, trong đó chi cho hành chính sự nghiệp chiếm tỷ trọng 59,5%.

Mặc dù các cấp ủy đảng, chính quyền có cố gắng chỉ đạo, tổ chức, quản lý thu, song một số nơi chưa tập trung đúng mức với quyết tâm cao, thiếu thường xuyên đôn đốc kiểm tra, việc khai thác, quản lý nguồn thu chưa tốt, còn bỏ sót, để nợ thuế. Công tác quản lý thu, chi ngân sách xã (và tương đương) thiếu nhất quán, có biểu hiện buông lỏng ở một số nơi đã dẫn đến sai phạm trong thực hiện chế độ, nguyên tắc tài chính, để xảy ra toạ chi hàng trăm triệu đồng. Trong khi đó ngân sách tỉnh thường xuyên mất cân đối, hàng tháng tồn đọng lệnh chi, hạn mức kinh phí tại kho bạc trên 5 tỷ đồng; chưa có biện pháp tích cực hỗ trợ giúp xã có nguồn thu thấp vượt khó khăn, có xã nợ trợ cấp sinh hoạt phí cán bộ nhiều tháng liền, không có kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên, phát sinh nợ nần chồng chất.

Ngành ngân hàng có nhiều cố gắng đổi mới phương thức hoạt động, tăng mức đầu tư tín dụng; toàn tỉnh đã thành lập 8 quỹ tín dụng nhân dân, bước đầu phát huy hiệu quả. Thực hiện tổng thu tiền mặt 476 tỷ đồng, tăng 36,77% so năm trước; tổng chi tiền mặt 568 tỷ đồng (tăng 14,75%); ước dư nợ tín dụng 173 tỷ đồng (nợ ngắn hạn 146 tỷ đồng). Mặc dù mức đầu tư tín dụng các loại đều tăng, diện cũng được mở rộng hơn nhưng chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất, nhất là vốn trung và dài hạn.

Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 103 tỷ đồng, tập trung chủ yếu cho thủy lợi, công nghiệp, giao thông, các công trình phúc lợi – xã hội... Ngoài ra còn vận động nhân dân đóng góp để cải tạo, xây dựng và phát triển giao thông nông thôn (trên 98 công trình lớn nhỏ, trong đó có 44 cầu bê tông), hạ thế điện lưới (44/81 xã), tỉnh đã triển khai bước đầu quy hoạch tổng thể thị xã Sóc Trăng, chỉnh trang lại đô thị và đang chuẩn bị cho công tác quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngành Bưu điện đang tổ chức thi công tháp anten đài viba, mạng lưới điện thoại đã được mở rộng đến hầu hết các xã trong tỉnh. Mặc dù có cố gắng, song, so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong giai đoạn mới hiện nay, tốc độ xây dựng chậm do nguồn thu ngân sách tỉnh thấp, chỉ tập trung được cho một số công trình ưu tiên, trọng điểm trong khi đó nhiều cơ sở, công trình nhất là mạng lưới giao thông nội thị, một số đường tỉnh lộ đang tiếp tục xuống cấp; hệ thống cấp thoát nước đô thị thiếu, yếu, không đảm bảo; mạng lưới giao thông nông thôn phát triển chưa đều, việc đi lại của bà con ở vùng sâu còn khó khăn.

Gắn với sự tăng trưởng kinh tế, các mặt văn hoá xã hội của tỉnh cũng đạt được nhiều tiến bộ mới. Chương trình “Xoá đói, giảm nghèo” và giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực. Các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể đã có nhiều cố gắng trong thực hiện các chính sách “Đền ơn đáp nghĩa”, vận động các hình thức gây quỹ hỗ trợ, đã xây dựng và bàn giao 320 căn nhà tình nghĩa cho những đối tượng gặp nhiều khó khăn. Đời sống nhân dân trong tỉnh được nâng lên, cơ bản khắc phục được tình trạng đi làm thuê mướn ở các tỉnh khác như những năm trước, nhưng cũng còn một bộ phận nhân dân đang gặp nghèo khó cần sự trợ vốn sản xuất tạo việc làm; trong khi đó nguồn vốn các chương trình giải ngân chậm, có trường hợp sử dụng chưa đúng mục đích, vốn

vay Quỹ quốc gia động nợ khá nhiều. Riêng về nhà ở nông thôn thì nhà tre lá chiếm 79,7%, bán kiên cố 14,7%, 5,6% là kiên cố.

Hệ thống tổ chức ngành y tế được củng cố; chất lượng công tác khám, điều trị bệnh nhiều nơi có nâng lên; đã hoàn thành phòng khám đa khoa, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, 78/81 xã có trạm y tế, tạo điều kiện tốt hơn cho việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tuy vậy, tình hình và công tác y tế trong tỉnh cần phải quan tâm hơn về vệ sinh môi trường, nhất là ở vùng mặn, vùng đồng bào Khmer; y đức một số y, bác sĩ, chưa tốt; y cụ thiết bị lạc hậu; tình trạng suy dinh dưỡng đối với trẻ em vẫn còn ở mức cao. Chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình được đẩy mạnh, tạo được phong trào ở nhiều xã, ấp, tỷ lệ tăng dân số của tỉnh còn 2,14%. Công tác giáo dục và đào tạo đạt được tiến bộ, chuẩn bị khá tốt cho năm học 1994 – 1995 như: Sinh hoạt chính trị hè, vận động nhân dân và Nhà nước cùng làm, sửa chữa 582 và xây mới 202 phòng học. Ngoài ra còn tổ chức nhiều hoạt động phong phú, thiết thực nhằm khuyến khích phong trào dạy tốt, học tốt như: Tổ chức thi học sinh giỏi, giáo viên giỏi cấp huyện, tỉnh; tổ chức hội khoẻ phù đổng, thể dục thể thao... Hoạt động văn hoá văn nghệ - thể thao, báo, đài có nhiều cố gắng đổi mới hình thức, nội dung thông tin tuyên truyền đúng theo định hướng của Đảng, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương, các ngày lễ lớn, lễ hội... trong năm; ngoài những hoạt động như văn nghệ cổ động, triển lãm, mít tinh, hội thi... tỉnh đã tham gia thi đấu đạt thành tích cao một số bộ môn như quần vợt, bóng rổ... Song, công tác quản lý nhất là trong lĩnh vực văn hoá phẩm chưa chặt nên còn tình trạng lưu hành, phổ biến các loại văn hoá phẩm có nội dung không lành mạnh tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức, tình cảm một số đối tượng, nhất là lực lượng thanh thiếu niên.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được giữ vững và tiếp tục phát huy, mở rộng diện, cùng với sự vươn lên của lực lượng nghiệp vụ đã phối hợp có hiệu quả trong năm, phát hiện tình hình, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, ta đã kịp thời phá những vụ án nghiêm trọng xảy ra ở địa phương như: Vụ lấy cắp súng ở xã Vĩnh Lợi (huyện Thạnh Trị), cướp có vũ trang, có hung khí ở Mỹ Xuyên, Thạnh Trị..., qua đó tạo được niềm tin trong nhân dân. Lực lượng công an kết hợp với các ngành, đoàn thể và phát động nhân dân mở nhiều các đợt tấn công truy quét các loại tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội. Song, phong trào quần chúng phát triển chưa đều, từng lúc sự phối hợp không chặt; lực lượng công an xã, ấp còn yếu cả về năng lực, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật. Các ngành trong khối nội chính đã có nhiều cố gắng vươn lên thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ theo luật định, phối hợp khá tốt trong hoạt động. Tuy nhiên, toàn tỉnh còn 973 vụ án thi hành dang dở, 206 vụ tồn đọng (so tổng số 2099 vụ án quyết định thi hành). Công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, chất lượng đảm bảo. Xây dựng và phát triển lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,91% so dân số và huấn luyện đạt 59,25% lực lượng, 198 quân dự bị. Tiếp tục chỉ đạo diễn tập chỉ huy – tham mưu 2 cấp và diễn tập A2 cho 10 xã, 1 huyện và 1 tiểu đoàn bộ binh. Xét đề nghị khen thưởng và đã được công nhận 8 tập thể, (2 huyện và 6 xã), 5 cá nhân là đơn vị anh hùng, 372 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (đợt I).

Đảng bộ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), đã chỉ đạo uốn nắn coi trọng cả 2 mặt “chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng” lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là khâu then chốt; sắp xếp lại Ban chỉ đạo ở các điểm. Việc triển khai quán triệt các Nghị quyết của Trung ương Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được các cấp ủy quan tâm, tạo sự nhất trí về tư tưởng, hành động và quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Về công tác cán bộ, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy đã điều động, đề bạt 188 cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý; đã mở 768 lớp cho 37.040 đối tượng và đưa về trên 433 đối tượng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ kể cả Đảng, chính quyền, đoàn thể. Ủy ban kiểm tra các cấp đã làm tốt việc kiểm tra tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên theo điều lệ Đảng qui định, qua đó các cấp đã xét xử và phục vụ cấp ủy xử lý kỷ luật 340 đảng viên, trong đó khai trừ 99, xoá tên và đưa ra khỏi Đảng 123. Bên cạnh những kết quả đạt được qua tiến hành “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng”, tình hình công tác xây dựng Đảng nhìn chung chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới. Việc triển khai chủ trương, nghị quyết còn chậm, diện chưa rộng, chưa sâu, một số đơn vị thiếu liên hệ xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; có trường hợp thống nhất chủ trương nhưng thiếu nhất quán trong tổ chức thực hiện. Tư tưởng một số đảng viên có khuynh hướng nặng kinh tế gia đình, lợi nhẹ công tác (152 đảng viên bị kỷ luật do bỏ công tác, bỏ sinh hoạt đảng, trong đó có 19 đảng viên làm đơn xin ra khỏi Đảng), số đông là ở cơ sở. Tổ chức Đảng, đoàn, ban cán sự được thành lập nhưng đi vào hoạt động rất lúng túng, chưa xây dựng được qui chế làm việc. Qua kiểm tra một số cấp ủy, nhất là cơ sở thiếu quan tâm xây dựng và chỉ đạo, điều hành chấp hành quy chế làm việc, có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp, các ngành quan tâm hơn, nhưng thiếu quy hoạch, tuyển chọn đối tượng cử đi học theo yêu cầu, có ngành, địa phương chưa làm tốt công tác này; trong khi đó việc triển khai và sử dụng 5% kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, khi triển khai thực hiện thiếu nhất quán giữa các ngành, các cấp.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp, tỉnh đã thành lập mới Sở Thể dục - Thể thao, chuẩn bị lập Sở Địa chính. Tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ (1994 – 1999) đạt kết quả tốt, đúng luật định, dân chủ - công bằng, đảm bảo yêu cầu cơ cấu, thành phần, tiêu chuẩn, số lượng. Toàn tỉnh đã hoàn thành bầu cử các chức danh chủ chốt hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp, đạt yêu cầu chỉ đạo.

Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức ngày càng đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phong trào quần chúng phát triển đa dạng cả về chiều sâu lẫn trên diện rộng với nhiều mô hình hoạt động phong phú như: Tổ - nhóm tiết kiệm, chương trình thanh niên giúp nhau lập nghiệp, tổ liên kết sản xuất và các hội ngành nghề khác... đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và mang lại những kết quả hết sức thiết thực. Thông qua các hoạt động liên tịch với các ngành, các cấp, mặt trận và các đoàn thể đã thiết thực giúp đỡ đoàn viên, hội viên và quần chúng, đẩy mạnh sản xuất, xoá đói giảm nghèo, bằng các chương trình trợ vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách thức sản xuất... đồng thời đẩy mạnh phong trào vận động thực hành tiết kiệm, góp vốn gây quỹ trong đoàn viên, hội viên, tính đến cuối năm 1994 tổng số vốn tự có lên đến gần 3 tỷ đồng.

Đồng thời với các hoạt động chăm lo lợi ích và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể còn chú ý đi sâu củng cố tổ chức bộ máy, nhất là ở cơ sở, củng cố nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ; phát triển đoàn viên, hội viên; giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp; tích cực vận động nhân dân tham gia bầu cử hội đồng nhân dân 3 cấp đạt kết quả tốt, góp phần vào việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động và so với yêu cầu nhiệm vụ thì sự chuyển biến của các đoàn thể chưa được đồng bộ, còn những mặt lúng túng. Một số nhân tố điển hình chậm được nhân rộng, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, tuy có chú ý hơn trước nhưng nhìn chung cũng chỉ dừng lại ở chỗ trang bị kiến thức cơ bản mà chưa có kế hoạch đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Trình độ điều hành quản lý và năng lực tổ chức thực hiện của một số cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế. Mặt khác, những quy định về chế độ, chính sách chưa tạo được sự phấn khởi cho cán bộ công tác đoàn thể ở cơ sở.

Nhìn chung, năm 1994 tỉnh Sóc Trăng tiếp tục giữ được đà tăng trưởng kinh tế cao, đạt được một số kết quả bước đầu trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, năm đầu tiên tỉnh đạt hơn 1 triệu tấn lúa. Kết quả đó, trước hết là nhờ vào đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng; Tỉnh ủy quán triệt, vận dụng đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp và sự nỗ lực quyết tâm của các ngành, các cấp trong tỉnh đã phát huy ý chí tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, vượt qua khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mục tiêu năm 1994.

Tuy nhiên, trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện vừa qua còn một số mặt yếu kém, tồn tại; một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt thấp, tình hình vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Tổng sản phẩm quốc nội tăng 20,46%, nhưng cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến: khu vực I chiếm tỷ trọng 62,34% (năm 1993 là 60,84%), khu vực II là 9,96% (năm 1993 là 11%), khu vực III là 27,70% (năm 1993 là 27,64%); trong nông nghiệp tuy có sự chuyển dịch, nhưng nhìn chung tốc độ còn chậm; ngân sách thu không đủ chi, nhiều xã ngân sách mất cân đối. Cơ sở hạ tầng một số mặt tiếp tục xuống cấp nhất là đường giao thông nội thị, các tỉnh lộ; hệ thống cống dưới đê thiếu, chưa đồng bộ. Vốn đầu tư cho phát triển thiếu gay gắt. Đời sống một bộ phận nhân dân nhất là đồng bào Khmer gặp khó khăn, khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư còn chênh lệch nhiều. Trật tự an toàn xã hội chuyển biến chậm, một số tệ nạn xã hội tiếp tục phát triển. Hệ thống chính trị, đặc biệt là xã (và tương đương) chưa ngang tầm yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới, trình độ, năng lực cán bộ còn nhiều hạn chế. Tình hình trên là do sự chỉ đạo của cấp ủy chưa dồn sức đúng mức để tập trung chỉ đạo tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên từng địa bàn; khâu tổ chức thực hiện còn dàn trải..., chưa chọn ra được khâu đột phá để làm chuyển biến nhanh tình hình kinh tế xã hội của tỉnh và từng địa phương; mặt khác chưa phát huy cao ý chí tự lực, tự cường còn có biểu hiện trông chờ cấp trên. Đảng bộ phải ra sức khắc phục những mặt yếu kém để chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ năm 1995: Phát huy những ưu thế, thuận lợi, động viên mọi nguồn lực tạo ra sức mạnh tổng hợp giữ ổn định đà tăng trưởng kinh tế cao, từng bước cải biến cơ cấu kinh tế của tỉnh, trước hết là cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, theo hướng công nghiệp hoá nông nghiệp, làm chuyển biến rõ nét tình hình kinh tế - xã hội nông thôn; chỉnh trang lại thị xã, các thị trấn, thị tứ; gắn với cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; làm lành mạnh hoá xã hội. Giữ gìn tốt an ninh chính trị, tạo chuyển biến mới về trật tự an toàn xã hội. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới. Phấn đấu trong năm 1995 đạt cho được những chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 20,79%; trong đó khu vực I tăng 17,01%, khu vực II tăng 44,35%, khu vực III tăng 20,84% so năm 1994. Thu nhập bình quân đầu người 172 USD. Tổng sản lượng lúa đạt 1 triệu đến 1,1 triệu tấn (trong đó chú ý phát

triển các loại giống lúa có năng suất và giá trị kinh tế cao, kháng sâu rầy). Tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt 300 tỷ đồng (giá cố định năm 1989). Kim ngạch xuất khẩu 70-80 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu thủy sản 20-25 triệu USD. Tổng thu ngân sách Nhà nước 160 tỷ đồng. Giảm tỷ lệ sinh từ 0,06%-0,08%. Có 90% trung tâm các xã trong tỉnh có điện lưới quốc gia. Xoá cơ bản số phòng học 3 ca và giảm dần phòng học bằng tre lá. Có 50% chi bộ, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh và 40% trở lên là chi bộ, đảng bộ khá toàn diện hoặc từng mặt, hạn chế chi bộ, đảng bộ yếu kém. Phân đấu nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh lên trên 10.000 đảng viên. Tập hợp quần chúng vào các loại hình tổ chức từ 25-30% dân số trong độ tuổi.

Ngay từ đầu năm 1995, tỉnh đã phát động liên tiếp các phong trào thi đua hành động cách mạng trong toàn tỉnh thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phương hướng nhiệm vụ năm 1995 tạo ra khí thế thi đua sôi nổi, liên tục và đã hoàn thành nhiều chỉ tiêu quan trọng làm chuyển biến tiếp tục tình hình kinh tế - xã hội của địa phương:

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước đạt 667 tỷ đồng (giá cố định năm 1989), tăng 18,84% so năm 1994; trong đó khu vực I chiếm tỷ trọng 69,46%, khu vực II chiếm tỷ trọng 14,61% và khu vực III chiếm tỷ trọng 15,92% so GDP.

Năm 1995 tỉnh tiếp tục tập trung đầu tư khai thác tiềm năng nên khu vực I tiếp tục gia tăng về tỷ trọng trong GDP (năm 1994 khu vực I chiếm 62,34%), khu vực II đã có chuyển biến, chủ yếu là khu vực ngoài quốc doanh (năm 1994 chiếm 9,96%); nhìn chung cơ cấu của tỉnh đang trên đà chuyển dịch, tăng dần tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện cả về cơ cấu, chủng loại, quy mô theo hướng mở rộng diện tích, thâm canh, tăng giá trị; mở rộng và phát triển các dịch vụ trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, từng bước cải biến cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Năm 1995, sản lượng lúa toàn tỉnh đạt 1,24 triệu tấn, đạt 103,7% kế hoạch. Diện tích rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày đạt 31.472 ha, tăng 72,78% so năm 1994, riêng cây mía toàn tỉnh trồng 11.108 ha, tăng gần gấp đôi so năm 1994. Kinh tế vườn được phát huy, mở rộng dần diện chuyên canh nâng lên từ phong trào cải tạo vườn tạp. Chăn nuôi gia cầm phát triển khá, đàn heo tăng chậm, riêng đàn trâu, bò giảm do việc sử dụng máy móc làm đất trong nông nghiệp trở thành phổ biến.

Do điều kiện thời tiết, khí hậu cho sản xuất nông nghiệp thuận lợi; giá cả nhiều loại nông phẩm tương đối phù hợp, đặc biệt là cây lúa vừa trúng mùa, vừa được giá, kích thích người sản xuất. Tuy nhiên, ở một số khu vực huyện Vĩnh Châu và Mỹ Tú bị ảnh hưởng khô hạn, phèn gây chết cục bộ trên 2.000 ha lúa do hệ thống công trình chưa triển khai đồng bộ và thủy lợi nội đồng kém. Diện tích mía tăng nhanh, nhưng khâu tiêu thụ gặp khó khăn, giá thấp. Trong chăn nuôi, giá thức ăn tăng cao, hiệu quả kém, thậm chí thua lỗ, làm hạn chế sức sản xuất. Toàn tỉnh đã tiến hành đo đạc và bàn giao xong hồ sơ địa chính cho 51 xã, phường và đã cấp giấy quyền sử dụng đất cho 110.543 đối tượng trên tổng số 140.016 hộ đăng ký. Qua đó đã phát hiện gia tăng 28.766 ha đất (chủ yếu là đất nông nghiệp) so bộ thuế do chênh lệch giữa công tầm lớn và công tầm điền.

Năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 05-CT/UBT về đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, phong trào đã được các cấp, các ngành hưởng ứng tích cực, kết quả đã trồng mới được 418 ha rừng; đồng thời phát động nhân dân trồng trên 7 triệu cây phân tán; có nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, nhưng do vương

mắc về cơ chế quản lý nên tình trạng chặt phá rừng vẫn còn tiếp tục diễn ra, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Ngành thủy sản tiếp tục phát triển kể cả về nuôi trồng, khai thác, đánh bắt và chế biến. Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng 22.953 ha (tăng 25,05% so năm 1994); trong đó diện tích nuôi tôm 20.555 ha, đạt 114,19% kế hoạch. Sản lượng khai thác 32.500 tấn, đạt 101,5% kế hoạch và chế biến 3.425 tấn thủy sản các loại, tăng 19,37% so năm 1994; đã hoàn thành đưa vào hoạt động khu cơ khí sửa chữa tàu thuyền khu ngư cảng Trần Đề. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản toàn ngành 25,3 triệu USD, vượt 1,26% kế hoạch và tăng 29,08% so năm trước. Do ảnh hưởng tôm nuôi một số vùng lân cận bị thiệt hại nặng, nên có lúc tình bị khan hiếm nguyên liệu. Thị trường xuất khẩu không ổn định, tồn kho kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của ngành. Giá trị tổng sản lượng toàn ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương ước thực hiện 238 tỷ đồng, đạt 79,5% kế hoạch, tăng 7,21% so năm 1994. Tỉnh triển khai xây dựng và hoàn thành chuẩn bị đưa vào hoạt động Nhà máy Bia - nước giải khát, cơ sở đông lạnh và tiến hành triển khai dự án xây dựng Nhà máy Đường 1.000 tấn mía/ngày. Khu vực ngoài quốc doanh tiếp tục phát triển cả về cơ cấu ngành nghề, quy mô. Tuy nhiên việc thu hút và phát huy vốn của các thành phần đầu tư vào sản xuất còn hạn chế; hoạt động liên doanh, liên kết hiệu quả kém. Vai trò quản lý Nhà nước chuyên ngành của Sở Công nghiệp chưa được phát huy đúng mức. Giá cả thị trường tăng nhanh ở những tháng đầu năm do sức mua tăng trong dịp tết và bị ảnh hưởng việc tăng giá lương thực; vào những tháng cuối năm giá chững lại và tăng chậm. Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch trong tỉnh tiếp tục phát triển.

Ngành y tế có nhiều cố gắng cải thiện điều kiện, cơ sở vật chất, từng bước nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh. Các chương trình y tế quốc gia được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Cuộc vận động thực hiện chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tiếp tục triển khai tốt, trong năm có 49.034 người tham gia thực hiện các biện pháp tránh thai. Hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được tăng cường với sự phối hợp khá đồng bộ giữa các ngành, các cấp, nhiều chương trình mục tiêu được thực hiện đạt kết quả tốt, mang lại hiệu quả thiết thực về mặt xã hội, thu hút sự chú ý và đồng tình của mọi người, của xã hội. Thực hiện tốt các chính sách đối với các đối tượng chính sách; tiếp tục vận động gây quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhằm xã hội hoá việc chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các gia đình có công với nước gặp khó khăn; thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội. Triển khai thực hiện pháp lệnh đối với người có công với cách mạng. Toàn tỉnh có 5 huyện anh hùng và đã vận động 138 đơn vị, cá nhân phụng dưỡng 320/328 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống và 55 gia đình chính sách. Xây 5.080 giếng nước phục vụ sinh hoạt nông thôn. Công tác giáo dục và đào tạo tập trung cho mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học. Kết thúc năm học 1994 - 1995, số học sinh yếu kém giảm so năm học 1993 - 1994. Huy động học sinh các cấp ra lớp năm học 1995 - 1996 đều tăng so năm học 1994 - 1995. Đã xây dựng đưa vào sử dụng 147 phòng học, xoá 3 ca, đạt 108,88% kế hoạch; xây dựng 734 phòng học xoá tre lá, đang bước đầu sắp xếp lại mạng lưới trường lớp trong tỉnh. Phong trào học bổ túc văn hoá, học ngoại ngữ, vi tính tiếp tục phát triển. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học có tiên bộ.

Công tác gọi thanh niên nhập ngũ năm 1995 đạt chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng và thời gian, được Quân khu 9 bình chọn 1 trong 4 đơn vị dẫn đầu toàn Quân khu. Công tác xây dựng lực lượng được quan tâm; phát triển thêm 971 dân quân tự vệ và tổ

chức huấn luyện đạt 98,28% lực lượng. Tổ chức diễn tập 1 huyện và 16 xã phường, hoàn chỉnh tiếp tục kế hoạch phòng thủ của tỉnh theo chỉ đạo của Quân khu, nắm chặt âm mưu diễn biến tình hình và hoạt động của các loại tội phạm để chủ động có kế hoạch đấu tranh giữ vững an ninh chính trị, đẩy lùi một bước các tệ nạn xã hội, đảm bảo tốt hơn về trật tự xã hội và an toàn giao thông. Quan tâm công tác củng cố, xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, nhất là công an cơ sở. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ chuyên môn đi đôi với giáo dục xây dựng tinh thần trách nhiệm, đạo đức phẩm chất trong lực lượng công an nhân dân...

Tỉnh đã chỉ đạo tiến hành tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VI) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Sau 3 năm thực hiện nghị quyết, công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng đã có sự chuyển biến tích cực, thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng phát triển. Củng cố niềm tin và tạo sự phấn khởi chung trong toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng vẫn còn những hạn chế nhất định như: Trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên có nâng lên nhưng chưa đồng bộ, đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng thiếu những kiến thức và kinh nghiệm cần thiết cho nên vai trò tham mưu cho cấp ủy trong thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng còn nhiều lúng túng và chậm. Công tác quy hoạch cán bộ chưa đáp ứng kịp tình hình của Đảng bộ, một số ít cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và lối sống.

Công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể đã có nhiều cố gắng mà nổi bật nhất là tham gia giám sát, góp ý để làm tốt công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Tuy nhiên tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1995 vẫn còn những mặt đáng quan tâm. Sản xuất kinh doanh trên địa bàn tiếp tục được đầu tư, mở rộng, nhưng một số doanh nghiệp Nhà nước làm ăn hiệu quả kém, thậm chí thua lỗ có trường hợp để xảy ra tham ô lãng phí gây thất thoát của công mà nguyên nhân chính là do năng lực, trình độ tổ chức, quản lý yếu kém của cán bộ. Chỉ đạo nông nghiệp phát triển toàn diện nhưng thiếu quan tâm, buông lỏng đối với khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tình hình trật tự xã hội diễn biến phức tạp, tệ nạn cờ bạc, rượu chè, trộm cắp... phát triển cả ở thành thị và nông thôn, đặc biệt đáng lưu ý là tình hình tự sát gia tăng báo động về mặt xã hội. Văn hoá phẩm có nội dung xấu lưu hành ngoài vòng kiểm tra kiểm soát của Nhà nước tác động xấu đến các giá trị đạo đức xã hội. Hệ thống chính trị cơ sở phát huy hiệu quả, hiệu lực chưa đồng bộ, cán bộ có tâm trạng về chính sách đãi ngộ. Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, chưa làm tốt việc quán triệt chủ trương, nghị quyết của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy ở các cấp các ngành nên còn có tình trạng chưa nhất quán trong chỉ đạo giải quyết, xử lý vấn đề; đối với cơ sở chưa kết hợp tốt giữa công tác trung tâm với nhiệm vụ thường xuyên; thiếu kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn, chưa tuân thủ tốt quy chế làm việc đề ra. Tỉnh đã chỉ đạo xử lý những vấn đề bức xúc trên nhằm tạo chuyển biến, tiến bộ mới ở năm 1996.

Qua bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sóc Trăng đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành quả bước đầu có ý nghĩa rất quan trọng. Nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng liên tục và ổn định ở mức cao, cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến mới tích cực. Đời sống dân cư được cải thiện, nâng lên rõ rệt. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ trong việc “Đổi mới và chỉnh đốn” theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ,

trước hết là các cấp uỷ từng bước được cải tiến, đã khắc phục dần việc cấp uỷ Đảng bao biện làm thay công việc của Nhà nước, lè lỏi làm việc giữa cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể cũng có tiến bộ, phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và của Nhà nước. Tuy nhiên trên một số mặt vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, việc đầu tư thiếu cân nhắc kỹ nên một số cơ sở công nghiệp phát huy hiệu quả kém, chưa mạnh dạn đầu tư khai thác đánh bắt thủy sản để kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Thu nhập bình quân đầu người thấp so với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đời sống một bộ phận nhân dân còn nghèo và khó khăn, nhất là vùng nông thôn sâu, vùng đồng bào Khmer. Quản lý các hoạt động văn hoá còn lỏng lẻo, thiếu các tụ điểm sinh hoạt vui chơi, giải trí, nhất là ở nông thôn. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên so với tốc độ phát triển kinh tế vẫn còn cao. Những vấn đề bức xúc về xã hội nói trên là niềm trăn trở của Đảng bộ tỉnh trong những năm qua nhưng do nhiều nguyên nhân nên giải quyết vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

## **V. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH SÓC TRĂNG LẦN THỨ IX VỚI NHIỆM VỤ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996 – 2000).**

Thi hành Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư về đại hội đảng bộ các cấp, từ ngày 8 đến ngày 10/5/1996, tại Hội trường Tỉnh uỷ (thị xã Sóc Trăng) Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ (1996-2000). Về dự Đại hội có 350/350 đại biểu, đại diện cho 10.523 đảng viên của Đảng bộ.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu đã đạt được, cũng như thiếu sót, tồn tại và rút ra bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1992-1995, đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chung của giai đoạn 1996-2000 là: Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng; kiện toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Đại hội cũng thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào các văn kiện của Trung ương Đảng trình Đại hội VIII và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 đồng chí. Phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Tỉnh uỷ bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, đồng chí Trần Văn Vụ được bầu lại làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Tấn Quyên và đồng chí Mai Hồng Thái được bầu làm Phó Bí thư. Đại hội cũng đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII gồm 13 đồng chí chính thức.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra ở Hà Nội. Tham dự đại hội có tất cả là 1.198 đại biểu chính thức.

Đại hội đã tổng kết 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; điều chỉnh bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước tiến lên. Xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước và từ nhận định Việt Nam đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội cũng



như căn cứ vào Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân mạnh nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm 1996, năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 – 2000, cũng là năm đánh dấu bước ngoặt đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng qua gần 4 năm lãnh đạo xây dựng và phát triển tỉnh nhà, đã có những kinh nghiệm và tạo được những tiền đề quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng; đội ngũ cán bộ từng bước trưởng thành; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng lên, củng cố thêm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các cấp bộ đảng. Song, nguy cơ và những thách thức cần phải đề phòng và chủ động khắc phục, có chú ý đặc biệt riêng của tỉnh là điểm xuất phát kinh tế – xã hội còn thấp so với khu vực; điều kiện tự nhiên vừa có thuận lợi, nhưng đồng thời gặp không ít khó khăn, trở ngại cho phát triển nông nghiệp toàn diện do đất đai bị nhiễm mặn, phèn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chậm. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ và một số mục tiêu chủ yếu cho năm 1996 như sau:

Phấn đấu đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát huy lợi thế, tiềm năng, nguồn lực của toàn xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, phát triển đô thị đẩy lùi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên làm giàu, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm để dồn vốn đầu tư cho phát triển, tăng nhanh tích lũy nội bộ nền kinh tế; tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại; giữ vững ổn định chính trị, làm chuyển biến một bước về trật tự an toàn và các tệ nạn xã hội, lập lại trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hoá, đấu tranh có hiệu quả chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, chống đối. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, tập trung cho cơ sở; củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân.

Phấn khởi trước thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX nhiệm kỳ (1996-2000), ngay trong năm đầu của nhiệm kỳ, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy những thành tích đạt được, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách đã tạo ra những chuyển biến, tiến bộ mới: Tổng sản phẩm GDP của tỉnh đạt 2.823 tỷ đồng, tăng 12,18% so năm 1995; GDP bình quân đầu người 227 USD, tăng 8,1% so năm 1995. Sau những năm tăng trưởng nhảy vọt (tăng trên 20%), GDP đã tăng chậm lại, mặc dù khối lượng sản phẩm tạo ra ngày càng lớn và cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển khá toàn diện trong điều kiện thời tiết, khí hậu bất lợi và bị ảnh hưởng lũ lụt chung của khu vực. Trong chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh đã tập trung cho công tác thuỷ lợi, nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình; tăng cường công tác khuyến nông, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, mở rộng các hoạt động tín dụng, nâng mức vốn vay trung hạn và dài hạn phục vụ cải tạo vườn tạp và chăn nuôi. Các cấp đã giải quyết ổn định trên 80% các vụ tranh chấp ruộng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 63,63% số hộ đăng ký.

Tổng giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt 1.019 tỷ đồng. Các ngành nghề như chế biến thủy, hải sản, xay xát lúa gạo, vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa... phát triển khá ổn định. Dự án Nhà máy Đường 1.000 tấn mía/ngày đang được đẩy nhanh tiến độ thi công để phân đấu đến cuối quý II/1997 đi vào vận hành. Riêng Nhà máy Bia, tuy đã tổ chức sản xuất đầu năm, song vẫn còn nhiều khó khăn sản phẩm tiêu thụ chậm, thị trường hẹp, sản xuất bị lỗ; trong khi đó việc chuyển giao và tiếp nhận công nghệ còn vướng mắc, tổ chức và cán bộ chưa đảm đang được nhiệm vụ. Nhìn chung sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương, nhất là cấp huyện rất lúng túng, song điều quan tâm là thiếu cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và đội ngũ công nhân lành nghề.

Tỉnh đã đề nghị và được phê duyệt phương án sắp xếp lại các doanh nghiệp, đang triển khai thực hiện từng bước. Sau khi củng cố lại và giao Công ty Lương thực cho Tổng Công ty 2, doanh nghiệp hoạt động bước đầu có hiệu quả; Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý tiếp tục những vấn đề còn tồn đọng (Công ty Lương thực cũ); giải thể Công ty Thương mại, tiếp tục xử lý công nợ; nguyên nhân chính rút ra từ các doanh nghiệp thua lỗ là cán bộ quản lý kém năng lực, tổ chức cơ sở Đảng mất sức chiến đấu, có biểu hiện tiêu cực; song, vấn đề khó của tỉnh là hụt hẫng đội ngũ cán bộ bổ sung.

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 215,8 tỷ đồng, đạt 98,12% chỉ tiêu kế hoạch. Tổng chi 346,4 tỷ đồng, chủ yếu là chi cho hành chính sự nghiệp và xây dựng cơ bản. Nhiều tháng liền của quý II và III, ngân sách mất cân đối thu chi, luôn căng thẳng, do dồn vốn từ đầu năm cho các công trình xây dựng cơ bản; thường xuyên tồn lệnh chi và hạn mức kinh phí tại Kho bạc Nhà nước trên 15 tỷ đồng.

Giá trị xây dựng cơ bản toàn xã hội đạt 289,5 tỷ đồng tăng 28,15% so năm 1995, trong đó nguồn ngân sách tập trung 131,8 tỷ đồng, tập trung chủ yếu cho thủy lợi, giao thông, bệnh viện đa khoa, xây dựng phòng học... 100% xã đất liền có điện về đến trung tâm và 22% hộ dân có điện, điện thoại 0,67 máy/100 dân.

Trên tinh thần Quyết định 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng cơ sở hạ tầng, tỉnh đã xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện. Có thể khẳng định việc huy động sức dân để xây dựng cơ sở hạ tầng mà tập trung chính là các mục tiêu: điện-đường-trường-trạm... đã trở thành phong trào rộng lớn, là cơ sở để đánh giá thi đua giữa các địa phương, các ngành. Đây là biện pháp hữu hiệu để góp phần tạo sự thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn Sóc Trăng. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ cán bộ, đảng viên đến mỗi người dân đều tham gia đóng góp trên 90 tỉ đồng, hàng trăm công trình lớn nhỏ đã được triển khai thi công, nhiều nơi ở vùng sâu, vùng xa đã xóa được cầu khỉ, điện đã về, đường đã tới... đáp ứng nguyện vọng ngàn đời của người dân. Chính những việc làm thiết thực này đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào Đảng đồng thời giúp cho hoạt động của hệ thống dân vận, mặt trận và các đoàn thể ngày càng sát dân, sát cơ sở, phục vụ lợi ích thiết thực của người dân.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, tuyên truyền, thể dục thể thao được đẩy mạnh với nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng. Quan tâm xây dựng và phát triển văn hoá cơ sở, giáo dục truyền thống; xây dựng nếp sống văn hoá mới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc (Đại hội sư sãi Achar đã thông qua 06 điều quy ước xây dựng nếp sống mới trong đồng bào dân tộc Khmer). Tăng cường các hoạt động thể thao, các hoạt động vui chơi giải trí, chấn chỉnh một bước hoạt động văn hoá theo Chỉ

thị 814 của Thủ tướng Chính phủ và các Nghị định 87/CP, 88/CP của Chính phủ. Tuy nhiên, việc lưu hành băng ghi hình, băng nhạc, sách báo... có nội dung không lành mạnh và các hoạt động karaoke không lành mạnh vẫn còn diễn ra phức tạp, xâm nhập đến vùng nông thôn sâu, vào đối tượng thanh thiếu niên...

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt những tiên bộ mới. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt tiếp tục phát triển. Nhận thức về xã hội hoá công tác giáo dục đã có chuyển biến.

Ngành Y tế tiếp tục củng cố tổ chức, đặc biệt là củng cố, xây dựng mạng lưới cơ sở; tăng cường công tác giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Từ đó các chương trình y tế cộng đồng được thực hiện có kết quả, đạt yêu cầu chỉ đạo, góp phần tích cực đẩy lùi dịch bệnh. Chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc và bảo vệ trẻ em tiếp tục triển khai thực hiện có kết quả được nhân dân đồng tình tham gia hưởng ứng rộng rãi. Năm 1996, tỷ lệ phát triển dân số còn 1,91%.

Ngành thương binh và xã hội quan tâm triển khai thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với các đối tượng; phối hợp cùng các ngành vận động các tổ chức và nhân dân thực hiện việc đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa (thực hiện 482 căn) đã tiếp tục xét và đề nghị Nhà nước phong tặng thêm 49 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, có 07 đơn vị và 02 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tham gia đấu tranh ngăn chặn, bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng theo tinh thần Chỉ thị 814/TTg và Nghị định 87/CP, 88/CP của Chính phủ.

Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân được các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo. Năm 1996, tỉnh hoàn thành kế hoạch tuyển quân, đảm bảo yêu cầu thời gian, số lượng và chất lượng. Thường xuyên tiến hành củng cố, xây dựng lực lượng thường trực; củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ (đạt 2,17% so tổng số dân), nhưng một số nơi phát triển chất lượng chưa đảm bảo theo yêu cầu, chưa làm tốt nhiệm vụ góp phần bảo vệ an ninh trật tự ở xóm ấp, đáng chú ý là lực lượng tự vệ cơ quan, xí nghiệp chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức. Hoàn thành tốt kế hoạch huấn luyện lực lượng thường trực.

Trong năm các cấp ủy đã tiến hành tổng kết Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) để xác định những nhiệm vụ trọng tâm xây dựng Đảng trong tình hình mới, phục vụ cho Đại hội Đảng các cấp. Nhìn chung, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, các cấp ủy tuy lúng túng và có nơi tiến hành chưa đồng bộ giữa đôi mới với chính đốn Đảng. Song, đã làm chuyển biến bước đầu về nhận thức, quan điểm tư tưởng; nhiều nơi làm tốt công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ, phát triển đảng viên mới; củng cố nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Đặc biệt, đã tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị, học tập Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh. Qua các đợt học tập, nghiên cứu, nhận thức của đảng viên được nâng lên, tạo sự nhất trí về tư tưởng, hành động; củng cố, tăng cường lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, các cấp bộ đảng trong tỉnh đã tiến hành đại hội và kết thúc thắng lợi, đạt yêu cầu thời gian, nhân sự, nội dung, một bước kiện toàn và tăng năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Nghị quyết thể hiện tinh thần đổi mới và quyết tâm tiến vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong bối cảnh tình hình nhiệm vụ mới và trước tác động của cơ chế kinh tế thị trường, một số cán bộ đảng viên có biểu hiện tư tưởng thực dụng, đua đòi hưởng thụ; ở cơ sở, đảng viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn lơ là công tác, không hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tổ chức thiếu biện pháp giúp đỡ, xử lý. Một số trường hợp trong cán bộ, đảng viên kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn thiếu trách nhiệm. Một số đảng bộ, chi bộ buông lỏng chế độ sinh hoạt, nhiều nơi có sinh hoạt nhưng nội dung sinh hoạt chi bộ còn xơ cứng, nghèo nàn, đấu tranh xây dựng nội bộ tự phê bình và phê bình yếu, phổ biến là ở đơn vị kinh tế; một số nơi chưa quan tâm đúng mức công tác quản lý đảng viên. Hoạt động ban cán sự đảng, đảng đoàn có biểu hiện lúng túng, chưa xác định rõ mối quan hệ, chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Trong năm 1996, Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về “Đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân” (gọi tắt là nghị quyết 8B). Qua 5 năm, công tác vận động quần chúng được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo và được xác định là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền và đảng viên. Ban thường vụ cấp ủy giữ khá tốt định kỳ làm việc với ban dân vận, mặt trận và các đoàn thể; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo và tăng cường cán bộ chủ chốt và tạo điều kiện vật chất cho hoạt động của mặt trận và các đoàn thể. Nhờ đó cấp ủy và chính quyền nắm chặt hơn tình hình quần chúng, kịp thời điều chỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, giải quyết những yêu cầu bức xúc trong đời sống nhân dân, phối hợp hoạt động trong hệ thống chính trị có hiệu quả hơn, thực hiện các chính sách tôn giáo, dân tộc, góp phần củng cố tăng cường đoàn kết trong cộng đồng dân cư, động viên sức mạnh toàn dân thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mặt trận và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tổ chức theo hướng đi vào giải quyết những vấn đề thiết thân của quần chúng, đoàn viên, hội viên; nhiều mô hình có hiệu quả như phụ nữ tiết kiệm, thanh niên lập nghiệp, các hội nghề nghiệp... được củng cố, mở rộng; đã tranh thủ thêm nhiều nguồn vốn tài trợ; phối hợp với các ngành và đẩy mạnh chuyển khai các chương trình mục tiêu, góp phần xoá đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, đền ơn đáp nghĩa. Từ đó đã tạo ra sự gắn bó hơn giữa đoàn viên, hội viên và quần chúng với tổ chức.

Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều, một số nơi chưa vững chắc. Tổ chức mặt trận và các đoàn thể cơ sở nhiều nơi còn yếu, hoạt động kém hiệu quả; nhất là chi hội, tổ hội chưa giữ sinh hoạt và chưa chủ động xây dựng chương trình hành động. Những mô hình tốt, có hiệu quả nhân chậm, chưa thu hút được đông đảo đoàn viên, hội viên vào tổ chức để giáo dục, tổ chức các phong trào hành động cách mạng. Nội dung, phương thức hoạt động các cấp bộ đoàn chậm đổi mới, còn nặng chính trị, chưa quan tâm giải quyết đời sống đoàn viên, thanh niên.

Nhìn lại, năm 1996, thành tích đạt được là cơ bản, nhiều chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Tỉnh ủy đạt và vượt, đã tăng trưởng kinh tế - xã hội cao; tương đối bền vững; bước đầu nền kinh tế có sự chuyển dịch về cơ cấu; kinh tế - xã hội nông thôn có nhiều biến đổi tích cực. An ninh chính trị ổn định và giữ vững trật tự an toàn xã hội. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, phát huy năng lực lãnh đạo và hiệu quả

quản lý điều hành. Để tiếp tục tạo thế và lực, xây dựng các tiền đề cần thiết thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà cho bước tiếp sau.

Song, trong sản xuất nông nghiệp còn nhiều vấn đề, nhất là khâu thay đổi giống mới, tiêu thụ sản phẩm còn gặp khó khăn ảnh hưởng đến tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Ngân sách luôn căng thẳng giữa thu và chi. Hoạt động một số doanh nghiệp nhà nước hiệu quả chưa cao, thua lỗ, tuy có được củng cố nhưng chưa vững chắc. Cơ sở hạ tầng còn là khâu yếu kém. Trật tự và tình hình xã hội diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm và tệ nạn xã hội chưa giảm. Việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị còn có mặt chưa đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới, nhất là trong công tác cán bộ, đây là trách nhiệm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Do đó cần tiếp tục làm chuyển biến nhận thức: Xây dựng Đảng giữ vai trò then chốt, phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm nhằm khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Như vậy đã qua 5 năm tái lập tỉnh, những thành tựu và yếu kém cũng như thuận lợi và khó khăn luôn đan xen, song tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những chuyển biến căn bản, tạo thuận lợi cho đảng bộ tỉnh bước vào việc thực hiện nhiệm vụ của năm 1997 với những chỉ tiêu chủ yếu: Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 18,45% so năm 1996. GDP bình quân đầu người 293 USD. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh phần đầu đạt 235 tỷ đồng.

Qua một năm, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy ý chí tự lực tự cường, tính năng động sáng tạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ, tình hình đã có những chuyển biến rất quan trọng trên nhiều lĩnh vực: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tăng 8,29% so năm 1996.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển trong điều kiện có nhiều nhân tố tác động bất lợi. Toàn tỉnh đã đào đắp được hơn 5 triệu mét khối đất, với trên 1,6 triệu ngày công lao động; trong đó thủy lợi nội đồng đã thực hiện 3 triệu mét khối, góp phần nâng chất 58.558 ha, mở mới 17.567 ha và ngăn mặn 20.096 ha. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng thủy lợi nội đồng vẫn còn là khâu yếu chưa chủ động được tưới tiêu; trợ vốn của ngân hàng còn ít, chưa kịp thời vụ, nông dân gặp khó khăn trong đầu tư sản xuất.

Tình hình tranh chấp ruộng đất trong tỉnh cơ bản đã được giải quyết ổn định. Toàn tỉnh đã tổ chức đăng ký quyền sử dụng đất cho 186.750 hộ và đã cấp được 161.763 giấy quyền sử dụng đất, đạt 71% tổng số hộ sử dụng đất trong toàn tỉnh. Tuy vậy, tiến độ vẫn còn chậm, thủ tục chưa được đơn giản hợp lý, kéo dài gây phiền hà nhân dân.

Do xác định tính chất và tầm quan trọng của ngành thủy sản và quyết tâm từng bước đưa thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Năm 1997, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết chuyên đề “Về phát triển kinh tế thủy hải sản tỉnh Sóc Trăng đến năm 2000 và 2010” với những mục tiêu cơ bản: Ra sức khai thác tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực đẩy mạnh kinh tế thủy hải sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, cải thiện nâng cao đời sống nhân dân nói chung và cư dân làm kinh tế biển nói riêng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh vùng biển.

Ngay trong năm 1997, nghị quyết này đã được triển khai mạnh mẽ nhờ đó sản xuất toàn ngành đã có bước phát triển cao cả nuôi trồng, khai thác đánh bắt và chế biến.

Tổng diện tích nuôi 28.494 ha, trong đó diện tích nuôi tôm là 25.018 ha, tăng 15,89% so năm 1996 (có 16.406 ha nuôi quảng canh cải tiến); đáng quan tâm là hiệu quả chưa cao (có trên 54% hộ nuôi có lãi); do thiếu vốn, chưa nắm vững kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm. Sản lượng khai thác 38.800 tấn, đạt 86,22% kế hoạch. Chế biến 8.400 tấn, tăng 54,24%, đạt 37,7% kế hoạch. Thực hiện giá trị kim ngạch xuất khẩu 96,293 triệu USD, tăng 67,6% và vượt 37,5% kế hoạch năm. Tuy nhiên cơn bão số 5 đã làm thiệt hại nặng nề về người và vật chất (09 người chết, 12 bị thương, 101 mất tích; chìm 16 tàu, hư hỏng 52 tàu đánh cá; trên 7.500 ha nuôi bị mất trắng), đã làm hạn chế sản xuất những tháng cuối năm và để lại hậu quả trong nhiều năm mới khắc phục được. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo và tiến hành một số biện pháp cấp bách như: cứu trợ, trục vớt, sửa chữa, đóng mới tàu, khoan và giãn nợ vay, bồi trúc đê, làm cống,... sản xuất đã được khôi phục đi dần vào ổn định.

Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương đạt 1.258 tỷ đồng, tăng 24,09% so năm 1996. Những ngành nghề phát triển ổn định như: chế biến thủy, hải sản, xay xát lúa gạo, cơ khí sửa chữa... riêng chế biến thủy, hải sản phát triển mạnh, đạt 719 tỷ đồng, chiếm 57,1% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh. Bước đầu đã khắc phục khó khăn đưa hoạt động Nhà máy Bia từng bước vào ổn định, dự án mở rộng nâng công suất lên 10 triệu lít/năm đã được xúc tiến; đã hoàn thành thi công đưa Nhà máy Đường, Nhà máy Gạch đi vào hoạt động. Song, thiếu vốn vẫn là khó khăn gay gắt thường xuyên đối với các đơn vị.

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về lập dự án điện khí hóa điểm một số xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để xây dựng mạng lưới điện nông thôn bằng nguồn vốn ưu đãi, Trung tâm Năng lượng tiến hành lập dự án chương trình điện vượt sông Hậu về 4 xã cù lao: An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba và Đại Ân 1 thuộc huyện Long Phú (nay là huyện Cù Lao Dung) tỉnh Sóc Trăng. Công trình được khởi công vào tháng 10/1997, với tổng mức đầu tư là 22.519.435.161 đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 6.600.000 đồng và nhân dân các xã ở Cù Lao Dung đóng góp 3.600.000.000 đồng.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 190 tỷ đồng, đạt 81,08% so kế hoạch. Mặc dù các cấp ủy đảng, chính quyền có nhiều cố gắng chỉ đạo, nhưng kết quả không đạt kế hoạch do hụt giảm một số nguồn thu so kế hoạch như điều chỉnh giá lúa (1.500 xuống 1.300 đồng), không thu thuế lương thực trên khâu lưu thông, thu thuế xăng dầu qua Tổng công ty, bị ảnh hưởng cơn bão số 5... Tổng chi ngân sách là 352,231 tỷ đồng. Chủ yếu chi đầu tư xây dựng cơ bản và hành chính sự nghiệp. Do thu không đạt kế hoạch và phát sinh thêm các khoản chi ngoài dự kiến kế hoạch nên tình hình cân đối thu chi ngân sách luôn trong tình trạng căng thẳng.

Triển khai thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế hợp tác, bước đầu đã có chuyển biến mới về nhận thức trong cán bộ đảng viên và nhân dân. Toàn tỉnh đã xây dựng, củng cố được 31 hợp tác xã: Trong đó lĩnh vực nông nghiệp 03, quỹ tín dụng 16, công nghiệp 03, xây dựng 02, giao thông vận tải 03, thương mại dịch vụ 04 và 05 tổ hợp tác (thủy sản 04, thương mại dịch vụ 01). Nhìn chung các hợp tác xã bước đầu hoạt động có hiệu quả, song vẫn còn nhiều lúng túng.

Lĩnh vực văn hóa xã hội tuy gặp nhiều khó khăn nhưng cũng đạt nhiều thành tựu đáng trân trọng, trong đó nổi bật là những hoạt động hướng về nạn nhân của cơn bão số 5, nhờ vậy đã góp phần xoa dịu nỗi đau và giúp bà con vượt qua khó khăn sớm ổn định cuộc sống để tiếp tục ra khơi bám biển, làm giàu cho quê hương đất nước.

Ngành công an phối hợp các cơ quan chức năng liên quan tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 36/CP về lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ và Nghị định 40/CP về lập lại trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa. Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra 271 vụ tai nạn giao thông, giảm 28 vụ so năm 1996. Tình hình an ninh, chính trị có một số biểu hiện đáng chú ý: Các tài liệu có nội dung xấu, phản động tiếp tục được tán phát vào địa bàn tỉnh; hoạt động tung tin xuyên tạc, câu móc, tập hợp lực lượng diễn ra phức tạp; hoạt động trái phép trong tôn giáo gia tăng; việc qua lại Campuchia chưa kiểm soát chặt.

Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ công tác tuyên quân năm 1997, đạt 100,62% chỉ tiêu số lượng, trong đó có 8,48% là đảng viên và 50,31% là đoàn viên. Đi đôi với xây dựng sắp xếp ổn định biên chế lực lượng thường trực, công tác xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ được quan tâm, đã phát triển mới 839 lực lượng, nâng tổng số lên 29.079 lực lượng. Tổ chức huấn luyện quân thường trực đạt 92,52%, lực lượng dự bị động viên đạt 71,06%, lực lượng dân quân tự vệ đạt 86,52%.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục có chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng quan tâm hơn công tác giáo dục, bồi dưỡng nhận thức Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời chú trọng việc lãnh đạo đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, bọn chống đối, bất mãn. Nên nhìn chung, tình hình tư tưởng trong Đảng bộ ổn định, tin tưởng vào đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, dưới tác động của cơ chế kinh tế thị trường số ít đảng viên bộc lộ tư tưởng chủ nghĩa cá nhân, nặng lo kinh tế riêng tư, lơ là, bỏ công tác, bỏ sinh hoạt Đảng. Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đi dần vào nề nếp theo quy chế làm việc, bảo đảm tuân thủ và thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ. Hạn chế là nội dung sinh hoạt chi bộ Đảng chậm đổi mới, thiếu tính chiến đấu, thậm chí một số nơi không duy trì được đều đặn. Công tác quản lý đảng viên còn lỏng lẻo, nhất là ở chi bộ nông thôn. Đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm, đặc biệt là bị hẫng hụt cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh và cán bộ khoa học kỹ thuật.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được các cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khoá X và bầu cử bổ sung đại biểu hội đồng nhân dân huyện, xã thu được kết quả tốt đẹp. Chất lượng hội đồng nhân dân các cấp một bước nâng lên, song ở cơ sở vẫn còn khâu yếu. Việc thực hiện quy chế làm việc của uỷ ban nhân dân các cấp có tiến bộ, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực tổ chức quản lý, điều hành của bộ máy Nhà nước trong tỉnh.

Công tác giáo dục pháp luật có được chú ý hơn, nhưng vẫn chủ yếu là phổ biến trong nội bộ và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chưa đi vào chiều sâu. Công tác điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên, có sự phối hợp khá đồng bộ giữa các cơ quan pháp luật.

Công tác dân vận, mặt trận tiếp tục đạt được những chuyển biến, tiến bộ mới. Các cấp ủy quan tâm hơn và đưa việc định kỳ làm việc với khối vận từng bước đi vào nề nếp. Đã lãnh đạo hoàn thành thắng lợi Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, qua đó tổ chức cán bộ các đoàn thể một bước được củng cố, tăng cường.

Năm 1997, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, lại bị tác động bất lợi khí hậu, thời tiết (khô hạn, cơn bão số 2, số 5), nhưng với sự cố gắng nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân, nền kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển và đạt tăng trưởng khá, một số chỉ tiêu kế hoạch hoàn thành vượt mức. Kinh tế quốc doanh được củng cố, từng bước vươn lên. Cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội mặc dù vẫn còn trong tình trạng thấp kém, thiếu đồng bộ nhưng đã có bước chuyển biến tích cực, bộ mặt thành thị và nông thôn có nhiều biến đổi; chính trị ổn định. Đời sống một bộ phận nhân dân được nâng lên.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu không đạt, đặc biệt là chỉ tiêu thu ngân sách, đã gây khó khăn trong cân đối thu chi, ảnh hưởng đến đầu tư phát triển của tỉnh. Trật tự an toàn xã hội còn phức tạp, một số tệ nạn xã hội gia tăng. Phân hoá xã hội tiếp tục diễn ra và lao động không việc làm còn nhiều.

Trong điều kiện vừa có thuận lợi vừa gặp không ít khó khăn đặc biệt là hậu quả cơn bão số 5 trong nhiều năm mới khắc phục được đã ảnh hưởng trực tiếp đến năm 1998. Vì vậy, để nhanh chóng vượt qua những khó khăn thách thức, Đảng bộ cần tiếp tục phát huy ý chí tự lực, tự cường, tinh năng động sáng tạo, tinh thần cách mạng tiến công của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, ra sức đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, kiểm chế và tạo chuyển biến tích cực về trật tự an toàn, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Kiên toàn hệ thống chính trị, không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu lực lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp, các ngành. Tăng cường đoàn kết toàn dân và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Kế thừa và phát huy những thành quả đạt được những năm 1997, năm 1998 Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết ra sức phấn đấu khắc phục hậu quả cơn bão số 5, những khó khăn do nắng hạn kéo dài và sự tác động cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và một số nước trên thế giới, tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống xã hội, giữ vững an ninh chính trị, làm chuyển biến một bước quan trọng công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sinh khí mới phấn khởi trong nhân dân. Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng 10,88% so với năm 1997.

Mặc dù vụ lúa Mùa, Thu Đông, và Đông Xuân 1997-1998 bị ảnh hưởng trực tiếp cơn bão số 5, nắng hạn kéo dài đầu vụ Hè thu 1998, nhưng nhờ sự nỗ lực phấn đấu khắc phục kịp thời làm giảm nhẹ thiệt hại nên tổng sản lượng lúa cả năm toàn tỉnh đạt 1.437.475 tấn, tăng 21,70% so năm 1997. Diện tích gieo trồng hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 11,27% so năm 1997, trong đó màu lương thực tăng 1,93%, màu thực phẩm tăng 5,67%, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 22,62% (trong đó mía 13.745 ha). Chăn nuôi tuy có phát triển (đàn heo tăng 2,35%), nhưng không ổn định do gặp khó khăn thị trường tiêu thụ và giá cả; riêng đàn trâu, bò tiếp tục giảm, nguyên nhân chính là nhiều hộ nông dân chuyển sang sử dụng máy móc làm sức kéo.

Nhìn chung, nền sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã và đang từng bước phát triển ổn định, ngày càng vững chắc. Tuy bị ảnh hưởng thiên tai nhưng sản lượng lúa năm 1998 vẫn tăng cao hơn tốc độ tăng bình quân những năm qua; cơ cấu sản xuất bước đầu có sự chuyển dịch tích cực, trước hết là cơ cấu mùa vụ (tăng diện tích Đông Xuân và



Hè Thu) và giống cây trồng, tạo nền tảng cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Hệ thống công trình thủy lợi, mặc dù chưa hoàn chỉnh, thủy lợi nội đồng còn yếu kém ở một số nơi, nhưng đã phát huy hiệu quả phục vụ đáp ứng cơ bản yêu cầu thâm canh, tăng vụ, nhất là ở các vùng trọng điểm của tỉnh.

Sau cơn bão số 5, hoạt động sản xuất kinh doanh ngành thủy sản đã được khôi phục, tiếp tục phát triển. Tổng diện tích nuôi thủy sản toàn tỉnh 36.514 ha, trong đó diện tích nuôi tôm là 32.765 ha, tăng 30,97% so năm 1997, do trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm được nâng lên và điều kiện môi trường thuận lợi nên năm nay tỷ lệ hộ nuôi có hiệu quả kinh tế đạt cao so các năm trước, từ đó đã kích thích bà con ở một số vùng thả nuôi nổi vụ, mặc dù chủ trương ta không khuyến khích. Sản lượng khai thác 42.500 tấn, đạt 101,19% kế hoạch. Chế biến 12.100 tấn, trong đó 11.200 tấn tôm tăng 33,33%, đạt 124,4% kế hoạch. Tuy có gặp khó khăn về thị trường nhưng với sự năng động, nhạy bén toàn ngành đã thực hiện được giá trị kim ngạch xuất khẩu 122 triệu USD, tăng 26,7% và vượt 22% kế hoạch năm.

Về giá trị sản xuất công nghiệp địa phương đạt 1.540 tỷ đồng, tăng 23,05% so năm 1997, một số ngành nghề tiếp tục phát triển ổn định, như chế biến thủy hải sản, xay xát lúa gạo, cơ khí sửa chữa... Tỉnh đã tập trung dồn sức chỉ đạo củng cố, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp Nhà nước, đưa hoạt động Nhà máy Đường vào sản xuất kịp thời vụ, nâng sức cạnh tranh sản phẩm gạch, hoàn thành việc mở rộng công suất Nhà máy Bia từ 5 triệu lít lên 10 triệu lít/năm; đẩy nhanh tiến độ thi công Nhà máy Chế biến sau thu hoạch Ngã Năm và xây dựng Nhà máy Đông lạnh Trà Men. Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn phải tiếp tục khắc phục về vốn, thị trường nhưng nhìn chung các đơn vị đã dần đi vào hoạt động tương đối ổn định.

Sau hơn một năm thi công, công trình kéo điện vượt sông Hậu sang Cù Lao Dung được hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 11/1998, cung cấp điện cho 3.200 hộ dân thuộc 4 xã: An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba và Đại Ân 1. Đây là công trình có ý nghĩa to lớn, giúp chính quyền địa phương và nhân dân có thêm điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, thu ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, nối liền vùng cù lao sông nước với đất liền.

Tổng thu nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn 254,3 tỷ đồng, đạt 113% so kế hoạch, tăng 25,5% so năm 1997. Tổng chi ngân sách là 459,1 tỷ đồng, chủ yếu chi cho đầu tư xây dựng cơ bản và hành chính sự nghiệp; tuy trong từng thời điểm có gặp khó khăn, nhưng về cơ bản vẫn đảm bảo cân đối và quản lý, điều hành trên tinh thần tiết kiệm.

Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản toàn tỉnh ước đạt 526,9 tỷ đồng, tăng 49,51% so năm 1997, trong đó vốn từ ngân sách Nhà nước tập trung 263 tỷ đồng và vốn huy động nhân dân theo Quyết định 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ 95 tỷ đồng (trong đó có 24,4 tỷ đồng ngày công quy tiền). Tập trung chủ yếu cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện nước, trường học, bệnh viện...

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế hợp tác, nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có sự chuyển biến khá tốt. Mặt khác Sở Nông nghiệp tích cực phối hợp mở các lớp bồi dưỡng kiến thức cho 1.500 cán bộ tuyên truyền vận động và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, kế toán các hợp tác xã và các tổ chức kinh tế hợp tác, đã xây dựng, củng cố được 97 hợp tác xã. Tuy có nhiều cố gắng, nhưng nhìn chung phương thức hoạt động của các đơn vị còn nhiều khó khăn; cơ

ché, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhất là về thuế, tín dụng chưa cụ thể. Trình độ quản lý của cán bộ còn nhiều yếu kém nên chưa phát huy tốt vai trò hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Công tác và hoạt động văn hoá văn nghệ, thông tin tuyên truyền trong năm đã có nhiều cố gắng cải tiến nội dung, phương thức, đẩy mạnh các hoạt động sáng tác, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức nhiều loại hình, tụ điểm vui chơi giải trí lành mạnh,... góp phần nâng cao mức hưởng thụ và đời sống văn hoá tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Ngành y tế tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị, mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các trung tâm và trạm y tế; tăng cường củng cố xây dựng y tế cơ sở. Mặc dù có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, số bệnh nhân chuyển về tuyến trên còn cao, do cơ sở vật chất và trang thiết bị thiếu, lạc hậu. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động lồng ghép phong phú, đa dạng, đã làm chuyển biến quan trọng nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục và đào tạo, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và quyết tâm tạo chuyển biến mới trên lĩnh vực này, nhờ đó sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh đã có bước phát triển rõ nét: Năm học 1998-1999, số lượng học sinh tăng khá nhanh, do số lượng học sinh tăng nhanh, trong khi nguồn bổ sung đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất gặp khó khăn, nên còn thiếu 2.324 giáo viên.

Tỉnh đã tiến hành tổ chức tổng điều tra toàn diện về đời sống nhân dân làm cơ sở phân loại mức sống cho từng hộ để có biện pháp chỉ đạo phù hợp. Từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, vốn tín dụng Consortium, tín dụng EU, vốn phục vụ người nghèo và các nguồn vốn tài trợ khác của các tổ chức phi chính phủ đã tạo việc làm cho 36.257 lao động, đạt 103,59% kế hoạch và tổ chức dạy nghề hướng nghiệp được 3.980 người, đạt 113,7% kế hoạch năm. Tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh còn 24,3%. Tiến hành tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện công tác chăm lo đời sống các đối tượng chính sách và sơ kết 3 năm thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công.

Tình hình và hoạt động của các thế lực thù địch, chống đối tiếp tục diễn biến rất phức tạp. Đã phát hiện thu giữ 130 tài liệu có nội dung xuyên tạc, nói xấu chế độ, kích động quần chúng nổi dậy được tán phát vào các địa bàn tỉnh. Lượng người qua lại Campuchia tuy giảm nhưng vẫn còn cao, hoạt động trái phép trong tôn giáo gia tăng. Ngành công an chủ động triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa kết hợp với mở các cao điểm tấn công các loại tội phạm, tăng cường phối hợp với các ngành và đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia trấn áp, quản lý, giáo dục tội phạm đã giữ vững an ninh chính trị, đấu tranh có hiệu quả trong phòng chống tội phạm, xây dựng đời sống xã hội lành mạnh. Tuy nhiên, tình hình và hoạt động các loại tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp; số vụ trọng án do mâu thuẫn xã hội không giảm.

Năm 1998, toàn tỉnh đã đưa 1.056 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100,57% chỉ tiêu trên giao, trong đó có 7,74% là đảng viên và 58,21% là đoàn viên. Tỉnh tiếp tục bổ sung các hệ thống kế hoạch A, A2, A4 đã được Quân khu 9 phê duyệt. Tiến hành sắp xếp ổn định biên chế lực lượng quân thường trực. Thường xuyên quan tâm xây dựng củng cố lực lượng dân quân tự vệ. Tổ chức tốt diễn tập chiến thuật và hành quân đã ngoại kết hợp diễn tập chiến thuật có bản đạn thật.

Công tác giáo dục pháp luật được chú ý hơn, nhưng vẫn chủ yếu là phổ biến trong nội bộ và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chưa thật sâu rộng. Công

tác điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên, có sự phối hợp khá đồng bộ giữa các cơ quan pháp luật.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục có chuyển biến tích cực. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng được các cấp ủy đảng quan tâm thông qua việc tăng cường công tác giáo dục bồi dưỡng nhận thức Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng. Nhìn chung, tình hình tư tưởng trong Đảng bộ ổn định, tin tưởng vào đường lối đổi mới đúng đắn và sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, dưới tác động của cơ chế kinh tế thị trường số ít đảng viên bộc lộ tư tưởng nặng lo kinh tế riêng tư, lơ là, bỏ công tác, bỏ sinh hoạt Đảng, thoái hoá, có lối sống không lành mạnh.

Công tác đảng viên có chuyển biến tốt, theo kết quả phân loại đảng viên cuối năm toàn tỉnh có 83,33% đảng viên đạt loại I, 14,51% đạt loại II, 2,15% đạt loại III. Tuy nhiên, việc quản lý đảng viên, nhất là ở nông thôn, trong các đơn vị kinh tế chưa được quan tâm đúng mức; sinh hoạt đảng có biểu hiện tùy tiện ở một số nơi. Công tác quy hoạch cán bộ có được các cấp ủy quan tâm, nhưng nhìn chung tiến độ thực hiện còn chậm. Tổ chức tự phê bình và phê bình trong cấp ủy, cán bộ chủ chốt các cấp theo Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ Chính trị, đã có 11/11 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và 91/98 xã, phường, thị trấn và gần 50% trường ban nhân dân ấp, khóm đã tổ chức xong tự phê bình và phê bình đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã, cho thấy đây là chủ trương đúng đắn hợp lòng dân, biểu hiện sự góp ý của nhân dân rất chân tình, cởi mở, thiết thân. Song, bên cạnh đó còn có biểu hiện e dè, ngán ngại trong góp ý, cần phải được khắc phục. Qua tự phê bình đã xử lý kỷ luật 05 bí thư đảng ủy xã và 03 chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

Nhận thức về công tác kiểm tra của cấp ủy theo Điều lệ Đảng đã có chuyển biến tốt. Từ đó số vụ kiểm tra thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng tăng so năm trước. Các cấp đã tổ chức kiểm tra 41 tổ chức và 136 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đã xử lý kỷ luật 334 đảng viên, trong đó khai trừ 85, xoá tên và cho ra khỏi Đảng 58, phổ biến là vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và chính sách pháp luật Nhà nước.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được các cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Để triển khai thực hiện Nghị định 29 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tỉnh đã lập kế hoạch và triển khai quán triệt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, đang tập trung chỉ đạo tiến hành các điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm chỉ đạo trong toàn tỉnh và đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị định 09 của Chính phủ về định biên cấp xã, được cán bộ, đảng viên cơ sở đón nhận phấn khởi.

Mặt trận và các đoàn thể có nhiều cố gắng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường sự phối hợp, ký kết liên tịch và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình mục tiêu; phát huy tốt hơn vai trò nòng cốt trong các cuộc vận động thực hiện các công tác trung tâm, cứu trợ... và tích cực tham gia xây dựng chính quyền các cấp, nhất là trong thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đồng thời thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, hội và củng cố tổ chức (Hội Nông dân và Hội Phụ nữ củng cố đưa ra 32.954 hội viên), trong năm đã phát triển mới 32.538 hội viên và 31.620 hội viên quần chúng. Đến cuối năm 1998 toàn tỉnh có 237.480 đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị xã hội và 202.099 hội viên các hội

quần chúng. Tổ chức thành công tốt đẹp Đại hội Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc và Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Sóc Trăng.

Năm 1998, trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước do bị ảnh hưởng tác động cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế các nước trong khu vực và thế giới, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh còn phải tiếp tục khắc phục hậu quả cơn bão số 5, đối phó với nắng hạn kéo dài; mặc dù còn những hạn chế, tồn tại, song, tỉnh đã vượt qua và đạt được những thành tích có ý nghĩa rất quan trọng tạo đà cho bước phát triển mới. So với chỉ tiêu nghị quyết đề ra, hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu đều được thực hiện đạt và vượt. Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng trên 10%, cao hơn mức tăng trưởng kinh tế cả nước. Sản xuất nông, ngư, lâm nghiệp tiếp tục phát triển, đã bước đầu có sự chuyển dịch tích cực cơ cấu sản xuất; đặc biệt, sản lượng lúa tăng cao hơn mức tăng bình quân nhiều năm kể từ ngày tái lập tỉnh đến nay. Công nghiệp địa phương tuy còn khó khăn, nhưng đã được khắc phục dần đi vào ổn định, phát huy năng lực sản xuất và hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhất là trong chế biến xuất khẩu thủy hải sản. Lĩnh vực kinh tế đối ngoại có tiến bộ, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu, khắc phục có hiệu quả những biến động của thị trường, giá cả do tác động cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế các nước. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, làm biến đổi ngày càng rõ nét hơn sinh hoạt, đời sống vật chất, văn hoá tinh thần trong nhân dân, tạo sinh khí phấn khởi, nhất là ở nông thôn. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư phát triển sâu rộng, được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy ngày càng tốt hơn.

Những kết quả đó, trước hết là có đường lối đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành năng động của Chính phủ với những quyết sách phù hợp kịp thời đã hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy đầu tư phát triển.

Mặt chủ quan, Tỉnh ủy quán triệt, vận dụng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VIII); sự nhạy bén, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp. Ngay từ đầu năm 1998, Tỉnh ủy đánh giá, nhận định, dự báo đúng tình hình, đề ra các nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp thực hiện phù hợp. Mặt khác, chỉ đạo thực hiện, từng thành viên Tỉnh ủy luôn nêu cao vai trò, ý thức trách nhiệm, lãnh đạo các ngành các cấp phát huy tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh tổng hợp phân đấu khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị địa phương.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sự chuyển dịch về cơ cấu của nền kinh tế còn chậm, trong sản xuất nông nghiệp, chưa khắc phục được mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Công tác thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn có những tiến bộ mới góp phần phục vụ phát triển sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt, đời sống xã hội nông thôn, song, một số nơi thủy lợi nội đồng còn yếu kém, mưa bão thì ngập úng, khô hạn thì thiếu nước. Sản xuất công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn về vốn, thị trường, sức cạnh tranh chưa cao. Trật tự an toàn và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp.

Nhiều năm liên tiếp tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt ở mức khá cao, sản xuất nông nghiệp phát triển liên tục và toàn diện; quan hệ sản xuất đặc biệt là trong nông nghiệp một bước được củng cố phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Các

chương trình - dự án đã triển khai thực hiện ở những năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả. Hoạt động kinh tế đối ngoại có tiến bộ. Các phong trào hành động cách mạng trong nhân dân, như xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, việc đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước,... ngày càng đi vào chiều sâu và từng bước trở thành ý thức tự giác của cộng đồng, là nền tảng rất quan trọng tạo đà cho sự phát triển bền vững tỉnh nhà trong năm 1999 cũng như những năm tiếp sau.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Bước sang năm 1999 phát huy tinh thần tiên công cách mạng, ý chí tự lực tự cường, truyền thống đoàn kết, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ nội lực của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, kết hợp tranh thủ tốt các nguồn lực bên ngoài tạo một bước chuyển biến tích cực làm đà phấn đấu đến năm 2000 thực hiện hoàn thành cơ bản những chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu Đại hội IX của Đảng bộ. Tập trung vào thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh nông nghiệp phát triển toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng tăng giá trị sản phẩm, đi đôi với phát huy thế mạnh thủy, hải sản; sắp xếp, củng cố nâng cao năng lực, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp Nhà nước. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, phục vụ phát triển kinh tế nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách xã hội. Giữ ổn định chính trị, làm chuyển biến tích cực một bước tình hình trật tự và các tệ nạn xã hội. Ra sức xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đồng bộ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả đồng thời với phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Diễn biến của năm 1999 cho thấy nền kinh tế của tỉnh tiếp tục gặp khó khăn, thử thách gay gắt của thiên tai và cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực. Đảng bộ, quân và dân tỉnh Sóc Trăng đã ra sức khắc phục mặt yếu kém, vận dụng sáng tạo các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nên giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, an ninh chính trị ổn định, làm chuyển biến quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Kết quả trên từng lĩnh vực đáng phấn khởi: Tổng sản phẩm địa phương (GDP) tăng 5,66% so với năm 1998.

Xuất phát từ những nhu cầu bức xúc của địa phương, cũng trong năm 1999 Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề “Về phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Sóc Trăng”, đây là nghị quyết có tầm quan trọng đặc biệt, nhằm tạo ra bước đột phá mới trong nông nghiệp, nông thôn tỉnh nhà. Sau khi đánh giá đúng đắn những thành tựu, hạn chế trong những năm qua, nghị quyết đã xác định phương hướng nhiệm vụ chung cho những năm tới là: “Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, động viên mọi nguồn lực dồn vốn đầu tư thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn tỉnh nhà theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Phát triển các loại hình dịch vụ trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, tiêu thủ công nghiệp theo hướng ưu tiên công nghiệp chế biến nông, thủy sản; phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn”. Trên tinh thần nghị quyết này, các địa phương trong tỉnh đã xây dựng chương trình hành động sát hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo quyết liệt. Kết quả năm 1999 tổng sản lượng lúa cả năm đạt 1.507.562 tấn tăng 6,81% so cùng kỳ năm 1998. Toàn tỉnh có 218.162 con heo, tăng 6,49% so cùng kỳ, đàn trâu 4550 con, tiếp tục giảm 23,85%. Đã nâng chất được 26.984 ha, ngăn mặn được 10.375 ha, mở mới 2.465

ha, góp phần phục vụ tưới tiêu cho 101.000 ha trong điều kiện khô hạn và có khả năng tiêu úng, ngăn mặn cho 187.000 ha.

Về thủy sản, đã khai thác được 44.000 tấn; đã thả nuôi 37.323 ha, trong đó diện tích nuôi quảng canh cải tiến là 28.044 ha, năng suất bình quân đạt 150 kg/ha, đồng thời các đơn vị sản xuất kinh doanh đã có nhiều cố gắng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm thị trường nên đã chế biến được 10.623 tấn tôm đông, kim ngạch xuất khẩu đạt 112,9 triệu USD đạt 86,85% kế hoạch.

Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương có phát triển, đạt 1552 tỉ đồng, tăng 1,55% so với năm 1998.

Trong năm đã kéo điện sinh hoạt cho 17.603 hộ, đạt 70,4% kế hoạch nâng tổng số hộ có điện trong toàn tỉnh lên 92.697 hộ, chiếm 42,13% so với tổng số hộ. Đặc biệt, trong năm đã hoàn thành điện hóa cù lao xã Phong Năm, huyện Kế Sách, đáp ứng nguyện vọng tốt đẹp ngàn đời của người dân nơi đây.

Qua 4 năm thực hiện Quyết định 99/TTg của Thủ tướng Chính phủ, toàn tỉnh đã đầu tư 1.068 tỷ 654 triệu đồng xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trong đó nhân dân đóng góp được 71,772 tỉ đồng. Điều này đã góp phần làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn tỉnh nhà trên hành trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương.

Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng các ngành, các địa phương đã có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, do vậy số thu ngân sách trên địa bàn đạt 241,424 tỷ đồng đạt 103,45% chỉ tiêu trên giao, góp phần đưa việc cân đối thu-chi dần đi vào nề nếp hơn.

Doanh số hàng hóa và dịch vụ toàn xã hội đạt 3.500 tỉ đồng. Chỉ số giá tiêu dùng trong năm chỉ tăng 1,47% so với năm 1998. Mặc dù giá cả hàng hóa và thị trường có nhiều biến động nhưng do linh hoạt trong chỉ đạo và điều hành nên các hoạt động ngoại thương có phát triển, kim ngạch xuất khẩu đạt 182,9% tăng 12,57% so với năm 1998. Kim ngạch nhập khẩu đạt 6,234 triệu USD bằng 51,95% kế hoạch, gồm các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.

Trong năm, các hoạt động văn hóa – xã hội ngày càng đa dạng, phong phú, nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức góp phần từng bước nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Năm học 1999-2000 đã huy động được 293.799 học sinh trong độ tuổi, tăng 1.442 học sinh so năm học trước. Đã triển khai xây dựng 233/378 phòng học xóa 3 ca, trong đó nghiệm thu đưa vào sử dụng 221 phòng. Nhìn chung chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng, theo hướng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục chưa triển khai thực hiện; việc xây dựng trường lớp triển khai chậm, một số công trình chất lượng kém và một số công trình thuộc chương trình quốc gia chưa triển khai thực hiện do làm thủ tục chậm. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai khá đồng bộ, tuy nhiên công tác xã hội hóa lĩnh vực y tế chưa đáp ứng yêu cầu, cơ sở vật chất và đội ngũ y tế còn thiếu. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được đẩy mạnh nhằm từng bước giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên. Bằng các nguồn vốn và các chương trình mục tiêu Quốc gia đã giải quyết việc làm cho 35.120 lao động, đạt 100,34% kế hoạch, dạy nghề cho 3.988 người, sửa chữa 230 căn nhà tình nghĩa, giúp 7.329 hộ thoát nghèo. Trong năm 1999 tỉnh đã tập trung chỉ đạo xét khen thưởng 3 thời kỳ kháng chiến cho 30.461 liệt sĩ, cán bộ và nhân dân. Về cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” có nhiều tiến bộ, đã công nhận

128.790 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới, công nhận 141 ấp văn hóa, 1.420 khu dân cư đạt 5 điều quy ước xây dựng khu dân cư.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thường xuyên củng cố, xây dựng các lực lượng quân sự, đã bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch A, A2, A3, B theo chỉ đạo của trên. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu.

Về xây dựng hệ thống chính trị, được các cấp ủy quan tâm hơn, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo việc tổ chức triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được chỉ đạo khá chặt chẽ. Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình hành động cụ thể, thiết thực tập trung vào những bức xúc cần giải quyết trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Tỉnh ủy đã tiến hành xong kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể và từng cá nhân trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bước đầu tập trung xử lý những vấn đề đặt ra trong quá trình tự phê bình và phê bình.

Hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh được xây dựng, củng cố, kiện toàn, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 29 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mặt trận và các đoàn thể đã bám chặt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ để xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và triển khai thực hiện theo hệ thống, đi sâu vào trọng tâm và tập trung hướng về cơ sở.

Năm 2000, năm cuối của nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ tỉnh tập trung vào thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh nông nghiệp phát triển toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng tăng giá trị sản phẩm; phát huy thế mạnh thủy, hải sản; sắp xếp, củng cố nâng cao năng lực, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp Nhà nước, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho khu vực dân doanh đầu tư phát triển. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, làm chuyên biến tích cực một bước tình hình trật tự và các tệ nạn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đồng bộ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đi đôi với phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đoàn kết, gắn bó giữa Đảng với nhân dân và đoàn kết toàn dân.

Ngay sau khi ban hành Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ năm 2000, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương giải pháp đúng đắn, phù hợp tình hình thực tế, tăng cường công tác kiểm tra, tập trung cho cơ sở nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của năm 2000 và cả nhiệm kỳ 1996-2000. Nhờ đó những thành tựu đạt được của năm 2000 là rất đáng tự hào: Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn tỉnh tăng 8,27% trong đó khu vực I tăng 6,38%, khu vực II tăng 17,3% và khu vực III tăng 11,8% so với năm 1999; GDP bình quân đầu người đạt 337 USD, vượt chỉ tiêu nghị quyết, tăng 6,67% so năm 1999.

Tổng sản lượng lúa 1.617.977 tấn, đạt 100,33% kế hoạch và tăng 7,29% so với năm 1999 (trong đó, diện tích gieo trồng cả năm là 370.385 ha, tăng 3,88%; năng suất lúa bình quân 4,36 tấn/ha, tăng 3,23%). Sản xuất nông nghiệp năm 2000 có tiến bộ mới là đổi được giống mới cao sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và từng bước tạo được giống lúa đặc sản.

Tổng sản lượng khai thác thủy, hải sản được 50.189 tấn, đạt 104,60% kế hoạch, tăng 16,20%, trong đó khai thác biển 25.200 tấn, đạt 107,20% kế hoạch; chế biến 11.700 tấn tôm đông lạnh, đạt 90% kế hoạch, tăng 26,38%; kim ngạch xuất khẩu thủy sản, hải sản 160 triệu USD, đạt 114,30% kế hoạch, tăng 41,50% so với năm 1999.

Diện tích nuôi thủy sản cả năm đạt 41.512 ha, trong đó diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến 33.277 ha tăng 17,17%. Nuôi cá nước ngọt 3.754 ha, tăng gần gấp đôi diện tích so năm 1999. Tỉnh đã cơ bản hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và đã khởi công xây dựng Ngư cảng Trần Đề.

Nhìn chung, thủy hải sản tiếp tục được phát huy là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển ổn định cả về nuôi trồng, khai thác đánh bắt, chế biến và xuất khẩu, nhất là nuôi trồng có nhiều tiến bộ, tạo được mô hình có hiệu quả kinh tế cao, nuôi tôm chính vụ đạt năng suất bình quân 400 - 500kg/ha. Tuy nhiên, phong trào nuôi tôm vẫn còn tình trạng tự phát, nuôi lợp vụ hiệu quả không cao, tỷ lệ hộ bị rủi ro nhiều. Đối với các doanh nghiệp có nhiều cố gắng huy động nguồn nguyên liệu, cải tiến nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm, nâng tỷ trọng sản phẩm tinh chế trong cơ cấu sản xuất, nên tăng được kim ngạch xuất khẩu. Lĩnh vực khai thác hải sản xa bờ còn nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao do thời tiết diễn biến bất thường, giá nhiên liệu tăng, ngư dân thiếu kinh nghiệm trong việc đánh bắt xa bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa tốt.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp địa phương năm 2000 đạt 1.757 tỷ đồng, đạt 103,4% kế hoạch tăng 20,29% so năm 1999, trong đó khu vực nhà nước tăng 25,4%; khu vực ngoài quốc doanh tăng 10%. Nhìn chung sản xuất công nghiệp của tỉnh đã từng bước tháo gỡ được khó khăn, đạt mức tăng trưởng khá ở cả khu vực nhà nước và ngoài quốc doanh, nhất là các lĩnh vực chế biến thủy, hải sản, đường, bia; riêng lĩnh vực xay xát giảm, do xuất khẩu gạo giảm.

Công ty Mía đường Sóc Trăng sản xuất được 1.250 tấn đường kết tinh, đạt 121,67% kế hoạch/năm và từ tháng 10 năm 2000 đến cuối năm 2000 xuất khẩu được 3.640 tấn đường kết tinh. Tuy nhiên, hoạt động của đơn vị vẫn còn nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh chưa cao. Sản lượng bia đạt 11,9 triệu lít, đạt 119% kế hoạch, sản phẩm được tiêu thụ tốt, nhưng do giá thành sản xuất còn cao nên hiệu quả kinh doanh thấp. Sản xuất tiêu thủ công nghiệp có bước phát triển nhưng công nghệ lạc hậu nên sức cạnh tranh và hiệu quả chưa cao.

Năm 2000, tiếp tục kéo điện sử dụng cho 19.479 hộ, đạt 97,4% kế hoạch; nâng cao tổng số hộ có điện lên 112.158 hộ, chiếm 50,98% so với tổng số hộ toàn tỉnh. Mặc dù các huyện, thị và các ngành có sự nỗ lực thực hiện các công trình điện hạ thế, nhưng các huyện gặp khó khăn trong việc cân đối vốn đối ứng và huy động nhân dân đóng góp 50% hạ thế, nên tiến độ thực hiện điện hoá không đạt kế hoạch.

Tổng thu nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trong cân đối dự toán là 237,7 tỷ đồng, đạt 104,35% chỉ tiêu Bộ Tài chính giao và đạt 98,23% chỉ tiêu phấn đấu của tỉnh; trung ương trợ cấp 230,2 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Tổng chi ngân sách trong cân đối dự toán là 510 tỷ đồng, đạt 115,37% kế hoạch. Nhìn chung, công tác thu ngân sách gặp khó khăn, nhất là các nguồn thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế ngoài quốc doanh, do giá lúa, giá nông sản thấp, sức mua giảm, hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao. Trong khi đó, việc chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền có nơi chưa tập trung đúng mức, thiếu thường xuyên kiểm tra, đôn đốc.



Tính đến cuối năm 2000, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh là 1.210 tỷ đồng. Nhìn chung, trong năm 2000 tổng nguồn vốn huy động tại chỗ tăng trên 36%, cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương, đã mở rộng đầu tư toàn tỉnh tăng 40% so năm 1999; hoạt động của các tổ chức tín dụng được củng cố và có chuyển biến, phục vụ có kết quả các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng xã hội ước đạt 3.650 tỷ đồng (tăng 7,09% so năm 1999); trong đó tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ là 1.753 tỷ đồng (tăng 10,32%). Chỉ số giá tiêu dùng (hàng hoá và dịch vụ) vẫn trong xu hướng giảm, chỉ nhích lên chút ít ở các tháng cuối năm. Tính chung cả năm, chỉ số giá tiêu dùng giảm 3,75% so với năm 1999, trong đó chỉ số giá lương thực giảm 9,51%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 196,5 triệu USD, đạt 87,34% kế hoạch và tăng 7,46% so năm trước, trong đó xuất khẩu trực tiếp là 166 triệu USD. Đối với mặt hàng thuỷ, hải sản thị trường xuất khẩu ổn định nhưng xuất khẩu gạo gặp khó khăn, giảm về khối lượng lẫn đơn giá xuất so năm 1999, do giá gạo thế giới giảm thấp và thị trường trong những tháng đầu năm bị thu hẹp (năm 2000 chỉ xuất được 168.000 tấn gạo, giảm 47,65% so với năm 1999). Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hoá ước đạt 6,4 triệu USD, bằng 71,73% kế hoạch, giảm 11,79% so năm trước, chủ yếu là nhập các mặt hàng phân bón, vải và máy móc, thiết bị phục vụ chế biến thuỷ, hải sản.

Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tiếp tục phát triển khá tốt, đã kiểm tra công nhận, tái công nhận 131.964 hộ gia đình (chiếm 56,11% so với tổng số hộ trong tỉnh), 1.662 khu dân cư, 162 khóm ấp, 06 xã phường văn hoá. Tuy nhiên trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ văn hoá còn phức tạp; tệ nạn mê tín dị đoan có chiều hướng tăng, trong khi đó công tác giáo dục, đấu tranh hiệu quả chưa cao.

Ngành giáo dục - đào tạo tiếp tục tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, đã huy động 6.412 em tham gia các cấp phổ cập giáo dục tiểu học huy động 5.139 người học các lớp xoá mù chữ. Năm học 2000-2001, toàn tỉnh có 286.786 học sinh ở các cấp học, tỷ lệ huy động trong độ tuổi cấp tiểu học đạt 95,6%, trung học cơ sở đạt 21,7%, trung học phổ thông đạt 21,7%, toàn tỉnh còn thiếu 790 giáo viên cấp 2 và cấp 3 thuộc khu vực I và II

Các chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ ban đầu được thực hiện khá tốt, ngăn chặn và đẩy lùi một số dịch bệnh. Đến cuối năm 2000 giảm được 3,2% trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, hạ tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng toàn tỉnh xuống còn 30,8%.

Mạng lưới y tế cơ sở toàn tỉnh hiện có 749 tổ chức y tế áp với trên 2.000 nhân viên tự nguyện chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, có 442 cán bộ y tế xã và 54/98 xã, phường có bác sĩ; việc thực hiện Đề án tăng cường bác sĩ về xã chuyển biến chậm; công tác quản lý, kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân chưa chặt chẽ. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được thực hiện khá tốt, năm 2000 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 1,62%.

Giải quyết việc làm cho 31.870 lao động, đạt 88,52% kế hoạch, bằng 90,74% so năm trước; dạy nghề cho 3.365 người, đạt 74,8% kế hoạch năm, bằng 84,4% so cùng kỳ; vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa 2,2 tỷ đồng (đạt 41,87%); triển khai xây dựng và sửa chữa được 204 căn nhà tình nghĩa, đạt 102% kế hoạch. Thực hiện chương trình giảm

nghèo, trong năm có 5.340 hộ thoát nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 18% so với tổng số hộ.

Trong năm 2000, Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động về “Chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới”, nhằm tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới. Chương trình hành động của Tỉnh ủy được triển khai đến các cấp, các ngành và từng địa phương đều xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Nhờ đó, trong năm công tác phòng, chống, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm được tăng cường, giữ vững được ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn.

Tuyển chọn 980 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao (trong đó đảng viên chiếm 7,44% và đoàn viên chiếm 62,65%). Tuy nhiên, trong tổ chức thực hiện công tác tuyển chọn gọi thanh niên nhập ngũ có nơi làm thiếu chặt chẽ, nhất là công tác nắm nguồn, xét duyệt chính trị, chưa thực hiện tốt việc bình nghị, công khai hoá. Công tác giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự chưa sâu rộng trong thanh niên.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động, xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đến hết quý III/2000, đã thực hiện xong kiểm điểm tập thể và tự phê bình và phê bình cá nhân. Nhìn chung, các bước tiến hành đều được lãnh đạo chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình; sau kiểm điểm tự phê bình có đề ra kế hoạch khắc phục, sửa chữa và tập trung giải quyết các vấn đề nổi cộm của đơn vị, địa phương, tạo được một số chuyển biến bước đầu. Qua đó, đã xem xét kỷ luật 3 tổ chức cơ sở đảng (Ban Thường vụ Đảng ủy xã Xuân Hoà, huyện Kế Sách; Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thạnh Quới và xã Viên Bình, huyện Mỹ Xuyên); thi hành kỷ luật 397 cán bộ, đảng viên sai phạm, trong đó khai trừ 157 đảng viên.

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp, đã hoàn thành xong Đại hội Đảng bộ cấp huyện (tương đương) và 438/441 tổ chức cơ sở đảng (còn 03 đơn vị: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thương mại và Du lịch, Nông Trường 30/40). Nhìn chung, Đại hội cấp huyện (và tương đương), cấp cơ sở về bản đạt yêu cầu của đại hội đề ra. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm, đã triển khai các chuyên đề về công tác phát triển đảng viên trong ngành giáo dục, y tế, địa bàn dân cư, dân tộc, nữ... Tuy nhiên, do dồn nhiều công tác quan trọng và đột xuất nên trong năm phát triển được 1.152 đảng viên, đạt 82,28% chỉ tiêu nghị quyết năm.

Thường xuyên tiến hành củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước các cấp. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính nhà nước địa phương, tỉnh đã xây dựng và thông qua trung ương Đề án Sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, khoá VIII; cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, công chứng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Nghị định 38/CP của Chính phủ. Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công nhân và tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài trong tỉnh.

Công tác dân vận, mặt trận tiếp tục được đổi mới, phát huy hiệu quả thiết thực, góp phần tích cực thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng của địa phương. Cùng với việc tăng cường các hoạt động liên tịch, thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của ngành với các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội, các đoàn thể tích cực tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, huy động các nguồn vốn hỗ trợ phát triển kinh tế gia

đình, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động. Nhiều phong trào và mô hình có hiệu quả như: Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, thanh niên lập nghiệp, đội thanh niên tình nguyện, các tổ - nhóm phụ nữ tiết kiệm,... tiếp tục được phát huy nhân ra. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên được quan tâm. Trong năm 2000 đã phát triển mới được 34.328 đoàn viên, hội viên, nâng tổng số đoàn viên, hội viên toàn tỉnh lên 241.668, chiếm 20,59% so dân số. Tuy nhiên, nhìn chung phong trào phát triển chưa đều và vững chắc; các nhân tố mới, mô hình hoạt động có hiệu quả nhân chậm. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ các đoàn thể cơ sở, nhất là xã, phường chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nhìn chung, từ khi tái lập tỉnh Sóc Trăng tháng 4/1992 đến cuối năm 2000, mặc dù tình hình kinh tế đất nước và của tỉnh có nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh nhà tiếp tục phát triển ổn định. Sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn có những chuyển biến tích cực; tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản khá cao; sản xuất công nghiệp địa phương được củng cố, duy trì được nhịp độ phát triển; kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư phát triển. Nền kinh tế tăng trưởng liên tục trong nhiều năm, với tốc độ tăng khá cao 11,11%/năm. Những năm 1996 - 2000 tốc độ tăng có chậm lại nhưng vẫn ở mức khá, bình quân 9,29%/năm, phản ánh đúng nội lực của địa phương. Giá trị tăng thêm tăng nhanh trong từng thời kỳ, năm 1995 gấp 1,99 lần năm 1992 và năm 2000 ước gấp 1,85 lần năm 1995, thể hiện sự phấn đấu vượt bậc về cả trình độ sản xuất, đầu tư, năng lực điều hành và quản lý của các ngành, các cấp.

Nền kinh tế bước đầu có tích lũy (theo nghĩa hẹp), đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ nét, quỹ tích lũy bình quân tăng 9%, chiếm trên 20% VA. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 1995 gấp 5,2 lần năm 1992 và ước năm 2000 gấp 3,3 lần năm 1995.

Cơ cấu nền kinh tế trong giai đoạn 1996-2000 bước đầu có sự chuyển biến; cơ cấu thành phần kinh tế phù hợp với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần; giá cả, hàng hoá dịch vụ không có những biến động xấu.

Thu nhập bình quân đầu người năm 1995 tăng gấp 1,5 lần năm 1992 và ước năm 2000 tăng gấp 1,57 lần năm 1995. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5,45%/năm. Tình trạng thiếu thốn các mặt hàng lương thực, thực phẩm và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu, thậm chí thiếu đói lúc giáp hạt trong sản xuất lương thực được khắc phục một cách căn cơ ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer. Điều kiện giao thông, phúc lợi xã hội, điều kiện hưởng thụ văn hoá, thông tin liên lạc được cải thiện nhiều hơn so với thời kỳ trước.

Năng lực sản xuất được tăng lên, trình độ dân trí được nâng dần, lực lượng các bộ khoa học kỹ thuật ngày càng đông là tiền đề quan trọng cho ứng dụng và sáng tạo khoa học công nghiệp. Năng lực điều hành, quản lý của bộ máy Nhà nước các cấp, trình độ quản lý của các doanh nghiệp có nhiều tiên bộ, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trên thương trường.

Văn hoá xã hội đạt được nhiều tiên bộ mới. Giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn nâng cao chất lượng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Đạt được những thành tựu nói trên, là do có đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước; sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo của Tỉnh uỷ và các cấp uỷ, chính quyền và đoàn thể các cấp; kết hợp thực hiện giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc đang đặt ra, mở các khâu đột phá với định hướng phát triển lâu dài, giữa phát huy nội lực với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài; đoàn kết tập hợp mọi lực lượng, các tầng lớp nhân dân tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, tồn tại, đó là tăng trưởng kinh tế khá cao, nhưng còn có những mặt chưa thật vững chắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; nội bộ ngành nông nghiệp vẫn còn mất cân đối lớn giữa trồng trọt và chăn nuôi. Sản xuất công nghiệp mặc dù tháo gỡ được một bước khó khăn, nhưng hiệu quả một số ngành chưa cao. Xuất khẩu gạo gặp khó khăn, hiệu quả kém. Đời sống một bộ phận nhân dân, chủ yếu là nông dân bị giảm sút. Một số vấn đề của xã hội bức xúc như tệ nạn ma tuý, mại dâm, cờ bạc, trộm cắp,... chưa được giải quyết tốt. Trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị chưa đều, còn có những mặt yếu kém trong lãnh đạo, quản lý; công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ theo yêu cầu mới của Nghị quyết Trung ương 3, khoá VIII chưa đạt yêu cầu cao. Những yếu kém được biểu hiện trên các mặt cụ thể như sau:

Nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, sau thời kỳ phát triển cao của những năm đầu tái lập tỉnh, nhịp độ tăng trưởng tỉnh tế có xu hướng chậm lại (*năm 1996 đạt 12,35%, năm 1997 đạt 8,63%, năm 1998 đạt 13,32%, năm 1999 đạt 3,99% và năm 2000 đạt 8,45%*). Một số chỉ tiêu chủ yếu như: Nhịp độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 58,13%; GDP bình quân đầu người đạt 66,17%; tổng sản lượng lương thực đạt 90,56%; tổng sản lượng khai thác thủy hải sản đạt 62,73%; giá trị sản xuất công nghiệp đạt 39,04%, thu ngân sách Nhà nước đạt 35,64% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội IX. Kết quả trên chủ yếu là do khi xây dựng nghị quyết dựa trên đà tăng trưởng với nhịp độ cao (trên 16%), từ đó biểu hiện tư tưởng chủ quan, nóng vội muốn đi nhanh, nên đề ra chỉ tiêu phấn đấu cao. Mặt khác, chúng ta không lường trước sự tác động cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ của các nước trong khu vực đến nền kinh tế đất nước, cũng như thiên tai liên tiếp xảy ra. Quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa thật đồng bộ, từng lúc chưa tập trung cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp thiếu sức cạnh tranh, tiêu thụ chậm; sản xuất nông nghiệp thường xuyên đứng trước thử thách gay gắt về thị trường tiêu thụ và giá cả. Sức mua của xã hội giảm sút; đời sống nhân dân gặp khó khăn. Thu ngân sách tăng chậm.

Một số vấn đề văn hóa, xã hội chưa được giải quyết tốt, mặc dù đã có nhiều cố gắng đẩy mạnh thực hiện chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo còn ở mức khá cao (18%); việc nông dân không đất sản xuất vẫn còn là vấn đề bức xúc của địa phương và cơ sở (chiếm 08,70% so tổng số hộ nông dân trong tỉnh, riêng hộ người Khmer chiếm 09,70%). Việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội hiệu quả mang lại chưa cao, nhất là ma tuý, mại dâm... đang là vấn đề nhức nhối của xã hội. Công tác giáo dục – đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập. Văn hóa phẩm độc hại tác động tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống xã hội, nhất là đối với thanh, thiếu niên. Sự chênh lệch mức sống giữa các vùng, giữa các tầng lớp dân cư tiếp tục

tăng lên; đời sống một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là các vùng sản xuất thuần nông, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc Khmer.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch, chống đối tiếp tục thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” thông qua việc tán phát các tài liệu phản động, lợi dụng sơ hở, khuyết điểm của ta để xuyên tạc, vu cáo nói xấu chế độ, kích động nhân dân nhằm gây chia rẽ Đảng, chính quyền với nhân dân, làm mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Mặt khác, chúng tăng cường các hoạt động móc nối nhen nhóm tổ chức, chờ thời cơ để thực hiện âm mưu gây rối, bạo loạn, lật đổ. Tình hình tội phạm tuy đã được kiềm chế, nhưng tính chất, mức độ còn nghiêm trọng, số vụ trọng án tăng; đáng quan tâm là tội hiếp dâm trẻ em xảy ra còn nhiều (có năm đến 62 vụ), nhất là ở khu vực nông thôn. Trật tự xã hội diễn biến phức tạp; việc sử dụng các chất gây nghiện trong thanh, thiếu niên gia tăng (phát hiện có 311 trường hợp) không chỉ tập trung ở thị xã mà các huyện đều có. Tai nạn giao thông tăng, hàng năm xảy ra từ 300 - 400 vụ (riêng năm 2000 tăng 40,09% so với năm 1999).

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa đều, còn một số mặt yếu kém. Công tác tư tưởng thiếu chủ động và thiếu các biện pháp tích cực, hiệu quả nhằm hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường đến tư tưởng, đạo đức lối sống xã hội nói chung và cán bộ, đảng viên nói riêng. Bên cạnh nhiều tổ chức đảng phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị, thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức Đảng, còn một ít nơi có biểu hiện giảm sút sức chiến đấu, nội bộ mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương, kỷ luật còn lỏng lẻo, chưa thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình, bộc lộ chủ nghĩa cá nhân, kèn cựa địa vị; một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cơ cấu đội ngũ cán bộ vừa thừa, vừa thiếu, một bộ phận yếu về trình độ, năng lực. Việc cải cách hành chính nhà nước của địa phương tiến triển chậm, kết quả còn hạn chế, nhận thức và tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa nhất quán, có nơi còn vi phạm nghiêm trọng. Công tác dân vận, mặt trận chưa chuyển kịp với yêu cầu tình hình mới; chất lượng, hiệu quả hoạt động các đoàn thể ở cơ sở không đều, còn một số mặt yếu kém.

Những yếu kém, khuyết điểm trên, do khó khăn chung của nền kinh tế đất nước, bị thiên tai, sự thiếu đồng bộ của cơ chế, chính sách nhưng chủ yếu là:

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền các cấp chưa tốt. Vừa có tình trạng chậm cụ thể hóa, vừa thiếu nhất quán, trông chờ, thiếu kiên quyết, làm không đến nơi đến chốn; việc theo dõi, kiểm tra, sơ kết, bổ sung, uốn nắn của các cấp ủy chưa chủ động kịp thời.

Dự báo tình hình 5 năm 1996-2000 thiếu chính xác chưa lường hết những diễn biến phức tạp mới của nền kinh tế đất nước, từ đó đề ra mục tiêu phấn đấu vượt quá khả năng, nên có một số chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội IX thực hiện không đạt yêu cầu.

Bộ máy tổ chức còn một số mặt chùng chèo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ với nhiều thủ tục hành chính rườm rà, hiệu quả hoạt động chưa cao. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ còn một số mặt chưa tốt, nên có tình trạng vừa thừa, vừa thiếu; bị động, chắp vá khi điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ; thiếu đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế. Nguồn bổ sung cán bộ nữ, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở bị hẫng hụt.

Những thành quả đạt được sau 9 năm tái lập tỉnh từ 1992 – 2000 đã góp phần rất quan trọng làm chuyển biến mọi mặt đời sống xã hội. Bộ mặt thành thị và nông thôn thay đổi ngày càng rõ nét. An ninh - quốc phòng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định. Hệ thống chính trị từng bước được kiện toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đã cơ bản xây dựng được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà trong thập niên đầu của thế kỷ XXI.